

**CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN
KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

**CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN
KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**

Thừa Thiên Huế, tháng 5 năm 2016.

MỤC LỤC

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP	5
I. TỔNG QUAN	5
1. Giới thiệu về Công ty	5
2. Ngành nghề kinh doanh.....	5
3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu.....	6
4. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý	11
6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết	15
7. Tình hình hoạt động và kết quả HĐKD 03 năm trước cổ phần hóa.....	15
8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	24
II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP	28
1. Thực trạng về tài sản cố định	28
2. Thực trạng về tài chính, công nợ.....	28
3. Thực trạng về lao động.....	29
4. Giá trị quyền sử dụng đất	29
5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp..	31
III. KẾT LUẬN	31
PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	33
I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN	33
1. Cơ sở pháp lý.....	33
2. Mục tiêu cổ phần hóa	34
3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa	34
4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa.....	35
II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	39
1. Hình thức cổ phần hóa.....	39
2. Tên Công ty cổ phần	39
3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	40
4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá	41
4.1 <i>Phương thức bán cổ phần lần đầu</i>	<i>41</i>
4.2 <i>Đối tượng mua cổ phần.....</i>	<i>42</i>
4.3 <i>Cổ phần bán cho CBCNV.....</i>	<i>42</i>
4.4 <i>Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn</i>	<i>44</i>
4.5 <i>Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược.....</i>	<i>44</i>
4.6 <i>Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài.....</i>	<i>44</i>
5. Loại cổ phần và phương thức phát hành	45
5.1. <i>Loại cổ phần.....</i>	<i>45</i>
5.2. <i>Phương thức phát hành</i>	<i>45</i>

6.	Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán	45
7.	Chi phí cổ phần hóa.....	45
8.	Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa	46
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG.....		48
I.	Phương án sử dụng lao động	48
II.	Kế hoạch xử lý lao động dôi dư	50
PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA.....		51
I.	Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty.....	51
II.	Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	54
III.	Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa.....	55
1.	<i>Cơ hội và thách thức</i>	55
2.	<i>Định hướng phát triển của Công ty</i>	56
IV.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa.....	57
V.	Biện pháp thực hiện.....	58
1.	<i>Về hoạt động sản xuất và kinh doanh</i>	58
2.	<i>Về phát triển nguồn nhân lực</i>	58
3.	<i>Về quản lý tài chính:</i>	59
VI.	Các rủi ro dự kiến.....	59
1.	<i>Rủi ro về kinh tế</i>	59
2.	<i>Rủi ro về luật pháp</i>	61
3.	<i>Rủi ro đặc thù</i>	61
4.	<i>Rủi ro của đợt chào bán</i>	62
5.	<i>Rủi ro khác</i>	62
PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....		63
I.	KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ	63
II.	TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....	63

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BCTC	Báo cáo tài chính
BHXH	Bảo hiểm xã hội
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
Công ty	Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế
HUMEXCO	Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế
DT	Doanh thu
GCNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
HĐQT	Hội đồng quản trị
HĐTV	Hội đồng thành viên
LN	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LNST	Lợi nhuận sau thuế
TNHH NN MTV	Trách nhiệm hữu hạn Nhà nước Một thành viên
TSCĐ	Tài sản cố định
BĐS	Bất động sản
UBND	Ủy ban nhân dân

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

I. TỔNG QUAN

1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty : **CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên tiếng Anh : **THUA THIEN HUE MINERALS PRODUCTS SINGLE – OWNER LIMITED LIABILITY**
- Tên viết tắt : **HUMEXCO**
- Trụ sở chính : 53 Nguyễn Gia Thiều, Phường Phú Hậu, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : 054 3541044
- Fax : 054 3523965
- Mã số thuế : 3300100963
- Email : kshue@humexco.com.vn
- Logo : 
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 01 vào ngày 17/12/2013.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 01 vào ngày 17/12/2013, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Khai thác quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile) - Khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp	0899 (chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Chế biến quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile) - Chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp	3290
3	Khai thác quặng sắt	0710

STT	Tên ngành	Mã ngành
4	Sản xuất sắt, thép, gang <i>Chi tiết: Chế biến sắt, sắt hợp kim</i>	2410
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết:</i> - <i>Bán buôn quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile)</i> - <i>Bán buôn sắt thép, sắt hợp kim</i>	4662
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét</i>	4663
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết: Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp</i>	4659
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình</i>	4649
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác <i>Chi tiết:</i> - <i>Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò</i> - <i>Dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286)</i>	0990
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp</i>	4669

3. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

Trên cơ sở các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 01 vào ngày 17/12/2013, hiện tại các hoạt động chính của Công ty tập trung vào sản xuất hai dòng sản phẩm chính, bao gồm:

- Các sản phẩm chế biến từ quặng mỏ Titan gồm có: Ilmenite, Rutile, Monazite, Bột Zircon siêu mịn 65%, Zircon 60%, Xi Titan $\geq 90\%$ TiO₂, gang hợp kim. Đây là những sản phẩm chủ lực của công ty, chiếm đến hơn 90% về doanh thu của toàn công ty. Các sản phẩm này được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thủy tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác.

- Các sản phẩm đá xây dựng: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, bột đá, đá hộc. Các sản phẩm này chỉ chiếm dưới 10% doanh thu của công ty.

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

STT	Nhóm sản phẩm	Đơn vị tính	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Quý 1/2016
1	Ilmenite	Tấn	21.496	-	-	-
2	Bột nghiền mịn Zircon 65%	Tấn	8.594	6.175	2.954	112
3	Zircon 60%	Tấn	5.500	4.600	3.620	-
4	Rutile	Tấn	3.172	6.476	3.197	106
5	Monazite	Tấn	850	295	528	52
6	Xỉ Titan $\geq 90\%$ TiO ₂	Tấn	3.200	3.690	4.306	966
7	Gang hợp kim	Tấn	6.670	1.127,8	-	-
8	Đá xây dựng các loại	m ³	31.891	61.863,6	58.827	5.146

Nguồn: Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế

Trong quá trình hoạt động sản xuất – kinh doanh, Công ty không ngừng nghiên cứu công nghệ khai thác, chế biến, phát triển sản phẩm có giá trị cao và tìm kiếm mở rộng thị trường xuất khẩu. Thành quả của nỗ lực đó đã đưa HUMEXCO trở thành một công ty xuất khẩu khoáng sản Titan hàng đầu của Việt Nam. Sản phẩm của Công ty xuất khẩu vào các thị trường Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Hàn Quốc,... Một số khách hàng truyền thống hiện nay của Công ty như: Nippon Steel & Sumikin Bussan Corporation (Nhật), Maoming Maogang Greatwall Mining Co.,LTD (Trung Quốc), Guangxi Bafangjin Trade Co.,LTD (Trung Quốc),...

4. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế tiền thân là Xí nghiệp Titan Bình Trị Thiên thành lập từ ngày 21 tháng 12 năm 1987, sau đó được đổi tên thành Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế theo quyết định số 846/QĐ-UBND, ngày 14 tháng 06 năm 1994 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Năm 2005 Công ty Khoáng sản Thừa Thiên Huế tiếp tục được chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế theo quyết định số 3873/QĐ-UBND ngày 11/11/2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Công ty đã trải qua gần 27 năm hoạt động trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản, chủ yếu là khoáng sản Titan, tuy nhiên trong thời kỳ đầu Công ty đã luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn ban đầu ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại của doanh nghiệp như không thể tìm đầu ra cho sản phẩm, bên cạnh đó vốn đầu tư lại thiếu thốn, thiết bị công nghệ lạc hậu chủ yếu sử dụng sức lao động nên dẫn đến năng suất thấp và hiệu quả kinh tế không cao. Tuy vậy bằng quyết tâm và nỗ lực kiên trì của cả tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty đã không ngừng nghiên cứu cải tiến công nghệ từ sử dụng sức lao động chuyển sang từng bước áp dụng các thiết bị máy móc vừa tăng năng suất lên nhiều lần trong khi vừa đảm bảo được chất lượng sản phẩm ổn định và đem lại hiệu quả kinh tế. Đồng thời Công ty cũng luôn luôn phải tích cực trong việc tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ thương mại với

các đối tác trong và ngoài nước nhằm không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, trên cơ sở tạo dựng uy tín lâu dài, nhờ đó đến nay Công ty đã có được nhiều bạn hàng truyền thống ở Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc,...

Trong những năm gần đây, Công ty lại đối mặt với một thử thách lớn khác đó là vừa đảm bảo tăng trưởng ổn định vừa phải duy trì sự tồn tại lâu dài của doanh nghiệp. Để giải quyết yêu cầu mới, Công ty đã thống nhất chủ trương chuyển từ phát triển về lượng sang phát triển về chất trên cơ sở đầu tư chế biến sâu để gia tăng giá trị sản phẩm do đó sẽ đảm bảo được tăng trưởng doanh thu trong khi vẫn giữ ổn định sản lượng khai thác và tăng tuổi thọ của mỏ. Kể từ năm 2002 Công ty đã tiến hành tìm hiểu và nghiên cứu triển khai công nghệ chế biến sâu Zircon của Trung Quốc, đến cuối năm 2003 Công ty đã hoàn thành và đưa vào sản xuất thành công dây chuyền nâng cao chất lượng và nghiền siêu mịn Zircon 65% đầu tiên tại 53 Nguyễn Gia Thiều - Tp. Huế với nguyên liệu là tinh quặng Zircon 57%, làm tăng giá trị sản phẩm lên gần 2 lần, sản xuất đến đầu tiêu thụ hết đến đó. Sau hơn hai năm hoạt động, dây chuyền này đã chứng minh được hiệu quả kinh tế cao, thu hồi vốn nhanh và góp phần tăng doanh thu cho Công ty. Trên cơ sở thành công của dây chuyền đầu tiên và các điều kiện thuận lợi của thị trường cùng với nguồn nguyên liệu Zircon 57% vẫn dồi dào, trong năm 2005 Công ty đã tiếp tục đầu tư mở rộng công suất chế biến sâu Zircon tại KCN Phú Bài và đã đi vào hoạt động sản xuất đầu năm 2006. Như vậy, bước đầu thực hiện chủ trương phát triển về chất Công ty đã đạt được những thành công đáng kể đem lại tăng trưởng không ngừng về doanh thu cũng như kim ngạch xuất khẩu cho Tỉnh nhà. Bên cạnh đó, vẫn còn một thách thức lớn đó là việc phát triển chế biến sâu tinh quặng Ilmenite, một sản phẩm chỉ mới ở mức độ sơ chế và có sản lượng sản xuất cao nhất trong các loại sản phẩm: 65.000 Tấn /năm.

Đứng trước yêu cầu gấp rút của Tỉnh về chủ trương tiếp tục tăng cường chế biến sâu các sản phẩm khoáng sản theo công văn chỉ đạo số: 12/TB-UB, ngày 02 tháng 02 năm 2005 của UBND Tỉnh TT. Huế. Bên cạnh đó, theo quy định của thông tư số: 04/2005/TT-BCN, ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Bộ công nghiệp về việc hướng dẫn xuất khẩu khoáng sản, thì đến cuối năm 2008 sẽ hạn chế xuất thô các sản phẩm Ilmenite và Zircon. Vì vậy Công ty đã nỗ lực để bước đầu tìm kiếm, phân tích và lựa chọn công nghệ chế biến sâu Ilmenite thích hợp, đồng thời đã tìm hiểu công nghệ của một số đối tác nước ngoài. Qua đánh giá thực lực tài chính kỹ thuật và tính chất phức tạp của công nghệ chế biến sâu Titan, Công ty đã xây dựng định hướng đầu tư chế biến sâu tinh quặng Ilmenite theo hai giai đoạn như sau:

➤ Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng Nhà máy xi Titan nâng cao $\geq 90\%$ TiO_2 công suất 10.000 Tấn/năm (2007 - 2008) và mở rộng công suất lên 20.000 Tấn/năm (2010 - 2011).

➤ Giai đoạn 2: Đầu tư xây dựng Nhà máy bột Titan công nghệ Clo công suất 10.000 Tấn/năm với nguyên liệu đầu vào là xi Titan nâng cao (2014 - 2016).

Bước đầu Công ty đã hoàn thành công tác xây dựng Nhà máy xi Titan công suất 10.000 Tấn/năm đã đưa vào vận hành sản xuất trong năm 2011. Ngoài ra Công ty cũng tham gia khai thác và chế biến đá xây dựng với quy mô 01 mỏ đá và trạm nghiền tại xã Hương Thọ công suất 6.000 m³/tháng, 01 trạm xay nghiền đá tại Dạ Lê, xã Thủy Phương, Hương Thủy.

Như vậy qua một quá trình đầu tư phát triển lâu dài có định hướng đúng đắn, đến nay Công ty đã xây dựng được quy mô khai thác, tinh chế và chế biến sâu khoáng sản như sau:

- Quy mô khai thác quặng mỏ Titan:
 - Xưởng khai thác Mỏ Điền Hòa - Điền Hải (khu vực bắc Thuận An): 38.400 Tấn quặng mỏ 60-65%/năm.
- Quy mô chế biến sâu Titan:
 - Nhà máy chế biến tinh quặng Titan Huế, tại 53 Nguyễn Gia Thiều Tp. Huế, công suất 25.000 -30.000 Tấn/năm.
 - Nhà máy chế biến tinh Quặng Titan Phú Lộc, tại khu vực đèo Mũi Né, 25.000 - 30.000 Tấn/năm.
 - Nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon 65% Huế, tại 53 Nguyễn Gia Thiều Tp. Huế, công suất 4.000 Tấn/năm.
 - Nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon 65% Phú Bài, tại KCN Phú Bài, công suất 5.000 Tấn/năm.
 - Nhà máy xỉ Titan TT. Huế công suất 10.000 Tấn/năm, tại cụm CN La Sơn, xã Lộc Sơn, Phú Lộc, TT. Huế.
- Quy mô khai thác, chế biến đá xây dựng:
 - Xưởng khai thác và chế biến đá xây dựng Hương Thọ, công suất đá xay 30.000m³/năm, công suất khai thác 60.000 - 65.000m³/năm.
 - Xưởng đá xay Dạ Lê - TX. Hương Thủy, công suất 30.000m³/năm.
- Quy mô hạng mục phụ trợ phục vụ sản xuất:
 - Xưởng cơ khí, tại 53 Nguyễn Gia Thiều Tp. Huế.

Là một đơn vị đầu ngành trong khai thác và chế biến khoáng sản Titan tại Việt Nam, Qua quá trình hình thành và phát triển, HUMEXCO đã nhận được nhiều bằng khen và danh hiệu khác nhau, cụ thể :

Năm	STT	Danh hiệu khen thưởng	Tổ chức cấp
2007	1	Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2006	UBND tỉnh TT Huế
	2	Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt nam năm 2006	Phòng TM&CN Việt nam
	3	Bằng khen có nhiều thành tích xuất sắc trong việc thực hiện công tác giảm nghèo và xóa nhà tạm năm 2006	UBND Tỉnh TT Huế
	4	Giấy khen chấp hành tốt chính sách thuế năm 2007	Tổng cục thuế
	5	Giấy khen công tác khắc phục hậu quả bão lụt năm 2007	UBND TP Huế

Năm	STT	Danh hiệu khen thưởng	Tổ chức cấp
2008	1	Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2007	UBND Tỉnh TT Huế
	2	Bằng khen thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm xã hội năm 2007	BHXH Việt Nam
	3	Giấy khen có thành tích nộp thuế hàng hoá Xuất nhập khẩu 2007	Tổng cục Hải quan
	4	Cúp “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2008	UBND tỉnh TT Huế
2009	1	Bằng khen thực hiện tốt chính sách BHXH năm 2008	BHXH Việt nam
	2	Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2008	UBND tỉnh TT Huế
	3	Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt nam năm 2009	Phòng TM&CN Việt nam
	4	Giấy khen đã có thành tích chấp hành tốt các chính sách thuế 2008	Tổng cục trưởng TC Thuế
	5	Cúp Doanh nghiệp xuất sắc năm 2009	UBND Tỉnh TT Huế
	6	Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2009	UBND Tỉnh TT Huế
2010	1	Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong hoạt động xuất khẩu năm 2010	UBND tỉnh TT Huế
	2	Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất năm 2010	Báo Vietnamnet và Bộ Tài chính
2011	1	Bằng khen có nhiều thành tích trong SXKD góp phần phát triển KT-XH trên địa bàn 2011	UBND tỉnh TT Huế
	2	Bằng khen có thành tích xuất sắc trong SXKD và đóng góp tích cực vào sự phát triển cộng đồng doanh nghiệp Việt nam năm 2011	Phòng TM&CN Việt nam
	3	Chứng nhận đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc toàn diện” năm 2011	UBND Tỉnh TT Huế
2012	1	Giấy khen xuất sắc trong hoạt động của ngành Công thương năm 2012	Sở Công thương tỉnh TT Huế
	2	Top 1000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập lớn nhất năm 2012 (Hạng 947/V1000)	Báo Vietnamnet và Bộ Tài chính
	3	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động ngày vì người nghèo và ctác an sinh xã hội giai đoạn 2010-2012	Mặt trận TQVN tỉnh TTH

Năm	STT	Danh hiệu khen thưởng	Tổ chức cấp
	4	Chúng nhận đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” năm 2012	UBND Tỉnh TT Huế
	5	Giấy chứng nhận 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (Hạng 203/ V1000)	Tạp chí Thuế, Báo Vietnamnet và Công ty CP báo cáo đánh giá Việt nam
2013	1	Cờ thi đua Công Đoàn cơ sở vững mạnh –có PT Thi đua xuất sắc năm 2013	Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
	2	Bằng khen Tập thể lao động xuất sắc năm 2013 – công ty	UBND Tỉnh TT Huế
2014	1	Bằng khen Công Đoàn cơ sở đạt danh hiệu "Điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2010-2015"	Liên đoàn lao động tỉnh TT Huế
2015	1	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp ptriển cộng đồng DN Việt Nam năm 2015	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
	2	Giấy khen đơn vị có thành tích chấp hành tốt pháp luật về Hải Quan năm 2015	Cục Hải quan tỉnh Thừa Thiên Huế
	3	Bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc thực hiện cuộc vận động "Ngày vì người nghèo" giai đoạn 2000-2015.	UBMTTQVN tỉnh TT HUẾ
	4	Đơn vị đạt danh hiệu "Điển hình tiên tiến trong PT thi đua yêu nước của CNVC- LĐ tỉnh TTH giai đoạn 2010-2015	Liên đoàn lao động tỉnh TT Huế

5. Cơ cấu tổ chức và quản lý

❖ Cơ cấu tổ chức Công ty

Bộ máy tổ chức quản lý điều hành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Chủ tịch kiêm Giám đốc: là người đứng đầu trực tiếp chỉ đạo toàn diện trong hoạt động SXKD, đầu tư phát triển, cũng như công tác tổ chức của Công ty đối với các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, các nhà máy - xưởng mỏ, các bộ phận phục vụ. Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty được UBND tỉnh bổ nhiệm;
- Kiểm soát viên Công ty;

- Bộ máy giúp việc cho Giám đốc: các Phó Giám đốc, các Trưởng phòng chuyên môn nghiệp vụ;
- Các phòng ban nghiệp vụ: thực hiện nhiệm vụ quản lý theo chức năng chuyên môn, cùng phối hợp triển khai thực hiện các chính sách chiến lược của Giám đốc đề ra, tham mưu đề xuất cho giám đốc về hoạt động SXKD, đầu tư phát triển, công tác tổ chức để đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của Công ty được hài hoà và cao nhất. Các phòng ban trong nghiệp vụ trong Công ty bao gồm:
 - Phòng Tài vụ;
 - Phòng Tổ chức hành chính;
 - Phòng Điều hành sản xuất;
 - Phòng Kinh doanh.
 - Phòng Kỹ thuật;
- Các nhà máy, xưởng mỏ, các bộ phận phục vụ sản xuất: Trực tiếp thực hiện công tác khai thác, chế biến; Thực hiện công tác quản lý sản xuất hiệu quả theo các quy định của Công ty và các Phòng ban; Đề xuất tham mưu cho Công ty về công tác quản lý sản xuất: lao động, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, cải tiến cải tạo,..

❖ **Các tổ chức Đoàn thể của Công ty:**

Các tổ chức đoàn thể của Công ty bao gồm Đảng bộ Công ty và Công đoàn:

- **Đảng Bộ Công ty:** gồm có Ban chấp hành đảng bộ (7 người), 5 chi bộ với 41 Đảng viên (trong đó có 10 Đảng viên nữ và 31 Đảng viên nam). Đảng bộ công ty được thành lập từ ngày thành lập công ty.

Các chi bộ công ty gồm có:

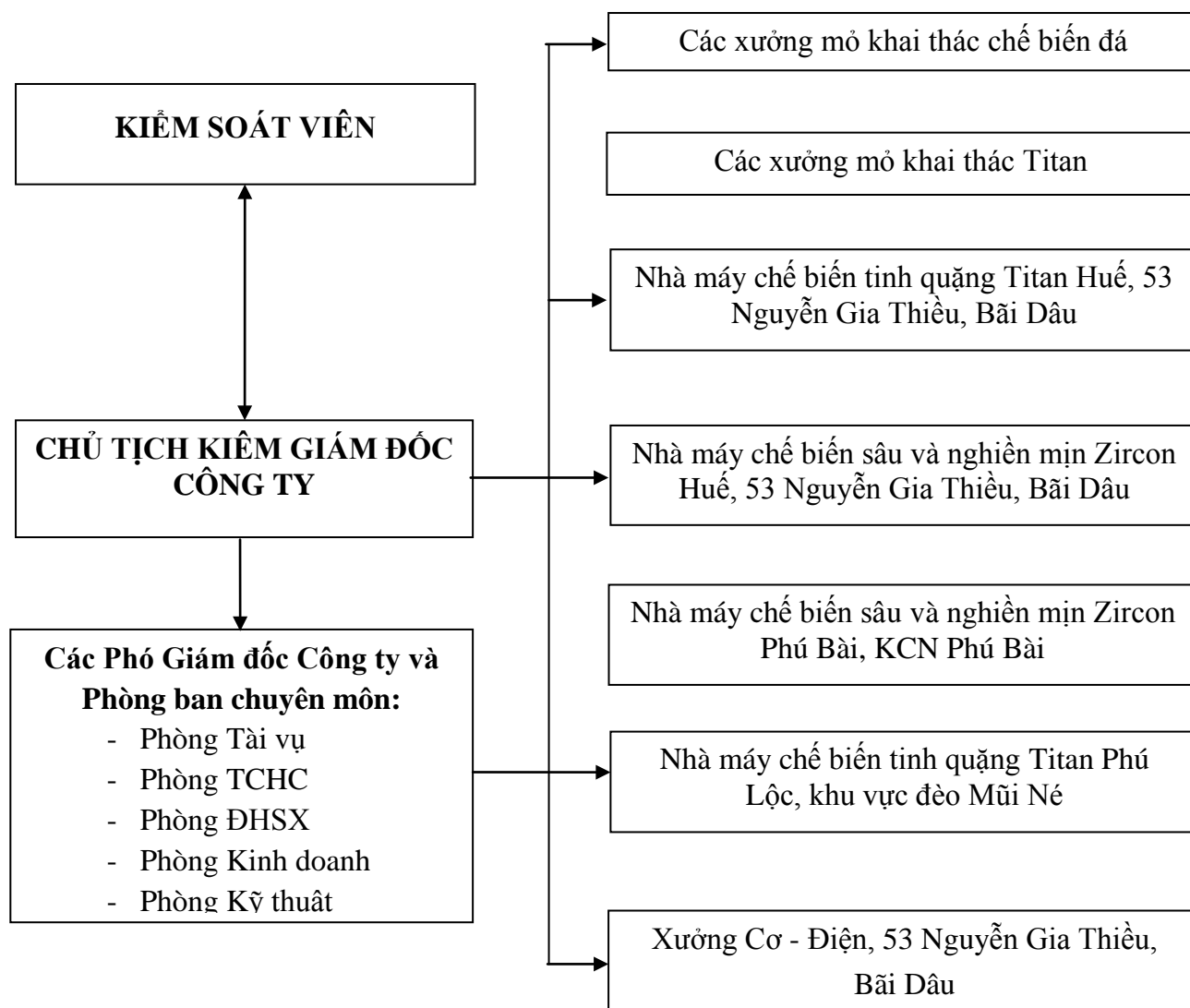
- Chi bộ Khối Văn phòng, Chi bộ xưởng Huế;
- Xưởng cơ khí & Xưởng nghiền siêu mịn Zircon Huế;
- Chi bộ xưởng Phú Lộc & Nhà máy xi Titan La Sơn;
- Chi bộ Nhà máy nghiền siêu mịn Zircon Phú Bài & Bộ phận đá;
- Chi bộ mỏ khai thác Titan.
- **Công Đoàn:** Được thành lập từ ngày thành lập công ty, đến nay số lượng Đoàn viên Công đoàn cơ sở Công ty gồm có gần 600 người, ban chấp hành công đoàn 13 người. Đây thực sự là một tổ chức hoạt động rất hiệu quả, luôn quan tâm chăm lo đến cuộc sống của cán bộ, nhân viên trong toàn công ty, đề xuất và tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động, tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật đến từng người lao động để người lao động yên tâm gắn bó với Công ty.

Chức năng và nhiệm vụ cụ thể của Công Đoàn:

- Tham mưu cho Ban chấp hành công đoàn cơ sở trong mọi hoạt động của Công đoàn theo Luật công đoàn và Điều lệ công đoàn Việt Nam. Bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp chính đáng cho người lao động.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng của Công ty trong việc tổ chức Hội nghị người lao động hàng năm.
- Tham gia với các cơ quan chức năng trong công tác sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các nội dung văn bản, các nội quy, quy chế có liên quan đến người lao động.
- Xây dựng và triển khai tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao cho người lao động theo nghị quyết của Ban chấp hành công đoàn cơ sở.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

CÔNG TY TNHH NN MTV KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ



6. Danh sách những công ty mẹ, công ty con và công ty liên doanh, liên kết**6.1. Công ty mẹ**

Không có.

6.2. Công ty con

Không có.

6.3. Công ty liên kết, liên doanh

Không có.

7. Tình hình hoạt động và kết quả HĐKD 03 năm trước cổ phần hóa**7.1 Tình hình hoạt động kinh doanh****7.1.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm****Cơ cấu doanh thu thuần 03 năm trước cổ phần hóa**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Quý 1/2016
1	Thành phẩm Titan	401.225.881.007	268.118.933.006	178.745.770.426	16.458.146.604
2	Thành phẩm đá	6.751.166.165	10.037.532.292	10.462.162.411	914.457.283
Tổng cộng		407.977.047.172	278.156.465.298	189.207.932.837	17.372.603.887

Nguồn: HUMEXCO

Cơ cấu lợi nhuận gộp 03 năm trước cổ phần hóa

Đơn vị tính: đồng

TT	Nhóm sản phẩm	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Quý 1/2016
1	Thành phẩm Titan	91.729.156.832	29.464.371.144	6.880.127.988	117.551.504
2	Thành phẩm đá	2.218.856.919	1.856.520.546	746.782.161	(985.817)
Tổng cộng		93.948.013.751	31.320.891.690	7.626.910.149	116.565.687

Nguồn: HUMEXCO

Nhìn chung, trong giai đoạn 2013-2015, mảng thành phẩm Quặng Titan chiếm phần lớn giá trị trong cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận gộp của HUMEXCO. Cụ thể Giá trị thành phẩm Titan trong cơ cấu Doanh thu thuần và Lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2013-2015 luôn ở mức trên 90%.. Qua quá trình hoạt động, Công ty đã xây dựng

được vị thế vững chắc trong ngành và một lượng khách hàng truyền thống trong và ngoài nước. Vì vậy, việc phân lớn doanh thu và lợi nhuận đến từ Thành phẩm Titan cũng thể hiện được tính tập trung trong hoạt động sản xuất của Công ty. Ngoài Titan, Công ty cũng có những hoạt động khai thác khác, cụ thể: Khai thác và chế biến đá xây dựng. Tuy nhiên đây là hoạt động phụ trợ, chiếm tỷ trọng không cao trong cơ cấu doanh thu, chi phí và lợi nhuận.

7.1.2. Nguyên vật liệu

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là Doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản, chủ yếu là khoáng sản Titan. Do đó Nguyên vật liệu chính trong quá trình hoạt động là Quặng mỏ Titan khai thác từ các mỏ Titan của Công ty. Để phục vụ cho quá trình khai thác và chế biến quặng mỏ Titan, một số nguyên – nhiên liệu được sử dụng làm yếu tố đầu vào như: Hồ điện cực; Ri mật đường; Ống thép dẫn oxy (phục vụ cho nhà máy xi Titan La Sơn); Bao bì (đóng gói sản phẩm, bán thành phẩm); Vật tư điện nước, dầu nhờn,...

➤ **Sự ổn định của Nguồn nguyên vật liệu đầu vào:**

- *Nguồn quặng mỏ Titan:* Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản Titan, nên có thể nói sự tồn tại của Công ty phụ thuộc rất lớn vào đất mỏ khai thác, tuy nhiên hiện nay diện tích khai thác của Công ty chỉ là những mỏ tận thu manh mún nhỏ lẻ, hàm lượng nghèo và phải khai thác lại lần hai hoặc lần ba những mỏ cũ. Từ năm 2012 Công ty đã xin cấp phép khai thác mỏ công nghiệp Quảng Công – Quảng Ngạn (diện tích: 288,2 ha, trữ lượng; 411.165 tấn, tổng đầu tư: 73,5 tỷ) và đến nay hồ sơ cấp phép vẫn đang phải chờ sự phê duyệt cuối cùng của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên nếu được cấp phép thì tuổi thọ mỏ theo tính toán trên cơ sở quy mô công suất hoạt động bình thường của Công ty thì chỉ khai thác dự kiến trong vòng 6 – 7 năm là hết mỏ, thêm vào đó hiện tại nhiều diện tích với hàm lượng giàu của mỏ này đang ngày càng bị chôn lấp bởi các đường bê tông liên thôn, khu dân cư, khu mỏ mà địa phương... Vì vậy hiện tại công ty chỉ có thể xây dựng kế hoạch SXKD cho từng năm một, và rất khó để xây dựng được một chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn ổn định lâu dài.

- *Các vật tư, nguyên – nhiên vật liệu phụ khác:* Một số vật tư, nguyên – nhiên vật liệu phụ đầu vào khác được HUMEXCO tiến hành chọn nhà cung cấp nhỏ theo quy trình quản lý ISO của Công ty như Phụ tùng và Vật tư sửa chữa xe xúc lật, xe múc, xe đào; Vật tư nước (ống nước), điện; Vận tải;...

➤ **Ảnh hưởng của giá cả Nguyên vật liệu tới doanh thu – lợi nhuận:**

Giá cả nguồn nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh luôn biến động không ngừng do chịu tác động trực tiếp từ cung – cầu của thị trường và các chính sách quản lý tài nguyên của Nhà nước. Trong khi chi phí Giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ

trọng cao trong doanh thu thuần và tăng dần qua các năm, do đó các biến động giá cả nguyên vật liệu đầu vào sẽ có tác động rất lớn đến biên lợi nhuận của Công ty.

Một trong những nhân tố chiếm tỷ trọng lớn nhất trong Giá vốn hàng bán là chi phí năng lượng, chiếm khoảng 35-40% trong cơ cấu giá vốn hàng bán. Bao gồm: Điện (chiếm tỷ trọng khá lớn trong giá thành sản xuất), Than đá (lò sấy than), Diesel (lò sấy dầu, sửa máy) và Dầu nhờn. Tình hình giá năng lượng biến động bất thường thời gian gần đây cũng ảnh hưởng rất lớn đến tình hình sản xuất của Công ty.

7.1.3. Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm 2013 đến 2015:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu	Giá trị	%/ Tổng Doanh thu
Giá vốn hàng bán	314.029	65,60%	246.836	79,52%	181.581	95,97%
Chi phí bán hàng	19.395	4,05%	12.729	4,10%	11.875	6,28%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.781	1,63%	12.627	4,07%	6.329	3,34%
Chi phí tài chính	224	0,05%	963	0,31%	159	0,08%
Chi phí khác	37	0,01%	363	0,12%	35	0,02%
Tổng cộng	341.467	71,34%	273.518	88,12%	199.978	105,69%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC năm 2015 của HUMEXCO

Có thể thấy, trong cơ cấu chi phí sản xuất của HUMEXCO, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng doanh thu và tăng dần qua các năm (năm 2015, tỷ trọng Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu chiếm tới 95,97% so với 65,60% trong năm 2013). Các khoản mục chi phí còn lại chiếm tổng tỷ trọng thấp hơn đáng kể và thấp hơn 10%/Tổng doanh thu. Nhìn chung, Tổng chi phí sản xuất qua các năm về mặt giá trị tuyệt đối giảm dần, cụ thể năm 2014 và 2015, giá trị Tổng chi phí (Giá vốn hàng bán, Chi phí bán hàng, Chi phí quản lý doanh nghiệp, Chi phí tài chính và Chi phí khác) giảm tương ứng so với năm trước là 19,90% và 26,89%. Tuy nhiên do tốc độ giảm đi trong chi phí vẫn thấp hơn đáng kể so với tốc độ sụt giảm trong Tổng Doanh thu (năm 2014, tổng doanh thu giảm 35,15% so với năm 2013, năm 2015 Tổng doanh thu giảm 39,04% so với năm 2014) nên về mặt tỷ trọng Tổng chi phí/Tổng doanh thu (đặc biệt là Giá vốn hàng bán/Tổng doanh thu) tăng dần qua các năm.

Nhìn chung trước bối cảnh tăng trưởng tiêu cực của ngành Titan toàn cầu, HUMEXCO nói riêng và các Công ty trong ngành nói chung phải sống chung với bài toán khó giải về chi phí. Việc cắt giảm chi phí liên tục là điều cần làm để Công ty duy trì được hoạt động trong ngắn hạn, tuy nhiên về dài hạn, Công ty cũng đã có kế hoạch để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm, duy trì tiềm lực và đón đầu được cơ hội khi thị trường có dấu hiệu phục hồi.

7.1.4. Trình độ công nghệ

Công ty luôn là một trong những đơn vị đi đầu về việc nghiên cứu đầu tư các dây chuyền công nghệ chế biến sâu các sản phẩm titan trên toàn quốc, đáp ứng được yêu cầu tăng cường chế biến sâu của Chính phủ. Các dự án chế biến sâu của công ty gồm có: Năm 2003 công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon công suất 4.500 Tấn/năm; Năm 2005 công ty tiếp tục đầu tư nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon thứ 2 tại KCN Phú Bài công suất 5.000 Tấn/năm; Năm 2011 Công ty hoàn thành nhà máy xi Titan tại KCN La Sơn với công suất 10.000 Tấn/năm. Như vậy công ty đã xây dựng và đầu tư đồng bộ hệ thống dây chuyền công nghệ từ khâu khai thác đến khâu chế biến sâu các sản phẩm Titan.

Hệ thống thiết bị, dây chuyền công nghệ của công ty chủ yếu được nhập khẩu của Trung Quốc với ưu điểm giá trị đầu tư vừa phải nhưng vẫn đáp ứng được yêu cầu công nghệ và chất lượng sản phẩm và với mức độ hiện đại vừa phải.

7.1.5. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Từ năm 2013 công ty đã có hướng chuyên ngành nghề sang lĩnh vực nông nghiệp sạch, tuy nhiên do tình hình suy thoái nặng nề của thị trường Titan thế giới từ cuối 2013 đến nay nên vẫn chưa có điều kiện triển khai chiến lược này.

7.1.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Công ty đã áp dụng liên tục từ năm 2006 đến nay hệ thống quản lý chất lượng Iso 9001 phiên bản 2008 cho toàn bộ xưởng mỏ từ khai thác đến chế biến.

Công ty đã xây dựng được 01 Phòng thử nghiệm chất lượng Vilas mang số hiệu Vilas 286 kể từ năm 2007.

7.2 Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng cả đầu vào và đầu ra của sản phẩm, Công ty còn rất chú trọng đến công tác quảng bá, giới thiệu và phân phối sản phẩm theo cách tốt nhất đến khách hàng. Hiện nay HUMEXCO tiến hành các công đoạn marketing ans phẩm trên trang Web chính thức của Công ty

(<http://www.humexco.com.vn/>) và tìm kiếm khách hàng trên các phương tiện tìm kiếm điện tử để chào hàng trực tiếp.

7.3 Một số Hợp đồng lớn mà Công ty đã ký kết và đang thực hiện

STT	Tên Hợp đồng	Tên đối tác	Sản phẩm/ Dịch vụ	Giá trị (USD)	Thời gian thực hiện
1	Hợp đồng mua bán	Nippon Steel & Sumikin Bussan Corporation –Japan.	Xi Titan	1.650.000	22/6/2015 – 28/2/2016
2	Hợp đồng mua bán	Maoming Maogang Greatwall Mining Co.,LTD – China	Zircon 60%	243.000	Thời gian giao hàng: 4 -5/2016
3	Hợp đồng mua bán	Guangxi Bafangjin Trade Co.,LTD – China	Monazite	78.000	Thời gian giao hàng 3/2016

7.4 Tình hình tài chính và kết quả HĐKD trong các năm trước khi cổ phần hóa

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty giai đoạn các năm trước khi cổ phần hóa được tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Vốn Chủ sở hữu (không bao gồm số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi)	327.015.146.524	299.911.559.335	260.472.629.577
2	Nợ phải trả	59.349.200.493	74.543.235.221	83.014.685.996
2.1	Nợ ngắn hạn	59.349.200.493	74.543.235.221	83.014.685.996
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.2	Nợ dài hạn	-	-	-
	Trong đó: Nợ quá hạn	-	-	-
2.3	Nợ khác	-	-	-
3	Nợ phải thu Trong đó:	5.384.866.294	9.458.354.316	11.701.033.159
3.1	Nợ ngắn hạn	5.384.866.294	9.458.354.316	8.181.479.539
3.2	Nợ dài hạn	-	-	3.519.553.620
4	Tổng số lao động	1.350	1.150	950

TT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
	(người)			
5	Thu nhập bình quân của người lao động /tháng	8.000.000	6.000.000	4.000.000
6	Doanh thu thuần	407.977.047.172	278.156.465.298	189.207.932.837
7	Giá vốn hàng bán	314.029.033.421	246.835.573.608	181.581.022.688
8	Tổng tài sản	386.364.347.017	374.454.794.556	343.487.315.573
9	Lợi nhuận trước thuế	69.704.523.782	5.383.473.439	656.983.202
10	Lợi nhuận sau thuế (LNST)	52.268.855.571	4.162.445.592	651.693.955
11	Tỷ suất LNST/ Vốn Chủ sở hữu	17,36%	1,33%	0,23%

Nguồn: HUMEXCO

Một số chỉ số tài chính của Công ty ba năm trước cổ phần hóa:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,53	4,06	3,36
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,44	0,24	0,37
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,28	0,18	0,22
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,40	0,21	0,28
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	1,45	1,17	0,97
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,97	0,73	0,53
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,81%	1,50%	0,34%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	17,36%	1,33%	0,23%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	12,43%	1,09%	0,18%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	16,57%	1,94%	-5,11%

Nguồn: Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2013, 2014 và BCTC năm 2015 của HUMEXCO

Nhìn chung, trong giai đoạn 2013-2015, HUMEXCO đáp ứng tốt khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Mặc dù hệ số thanh toán nhanh của Công ty thấp do đặc thù của lĩnh vực khai thác khoáng sản có Hàng tồn kho cao, đặc biệt trong giai đoạn ngành công nghiệp này có những biến động theo chiều hướng tiêu cực.

Thị trường Titan trên thế giới và trong cả nước liên tục suy giảm từ cuối năm 2012 đến nay mà chưa có dấu hiệu phục hồi. Giá bán các sản phẩm titan giảm đến 50-60% so với trước, một số sản phẩm có giá bán cao hơn cả giá thành và cả nhu cầu tiêu thụ cũng giảm đi rất nhiều. Nhiều công ty Titan trong nước đã bắt đầu đóng cửa từ năm 2014 và đối với công ty cũng đã tạm ngừng một số nhà máy chế biến không hiệu quả từ cuối năm 2014 đến nay. Những nhân tố đó khiến cho tình hình tài chính của Công ty đi xuống, thể hiện ở việc giảm đi trong tỷ suất sinh lời qua các năm. Những năm tới, để vượt qua khủng hoảng giá cả và hướng tới mục tiêu phát triển dài hạn, HUMEXCO sẽ tiếp tục thực hiện những kế hoạch đề ra, tập trung nghiên cứu cải tiến công nghệ tăng giá trị gia tăng cho sản phẩm và thực hiện các kế hoạch cần thiết khác.

7.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

❖ Thuận lợi

- Chính sách của Đảng và nhà nước đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế nói riêng thông qua việc ban hành các văn bản tạo hành lang pháp lý cho hoạt động khai thác, chế biến quặng Titan và các hoạt động kinh doanh khác của Công ty một cách mạnh mẽ và chủ động.
- Công ty và các nhà máy khai thác, chế biến đều nằm trong quy hoạch của Tỉnh nên việc giao thông đi lại và vận chuyển rất thuận lợi.
- Qua một quá trình dài tồn tại và phát triển công ty đã đầu tư được cơ sở sản xuất đầy đủ đồng bộ từ khai thác đến chế biến sâu, đồng thời xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, ổn định và đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả trong nhiều năm liền
- Ứng dụng kịp thời các tiến bộ khoa học vào trong công tác điều hành và quản lý đem lại hiệu quả cao.
- Được thành lập vào năm 1987, HUMEXCO là một trong những Công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Với lợi thế phát triển lâu đời, uy tín và bằng những nỗ lực riêng của HUMEXCO, Công ty đã có một mạng lưới bạn hàng truyền thống ở nhiều Quốc gia trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ,...

❖ Khó khăn

- Cơ chế chính sách trong hoạt động khai thác, chế biến quặng Titan, tuy đã phát

huy được nhiều yếu tố tích cực tạo động lực cho hoạt động khai thác, chế biến nhưng vẫn còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng cung vượt cầu.

- Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến khoáng sản Titan – có ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn tài nguyên của Quốc gia nên chịu sự quản lý chặt chẽ đến từ các cấp, ban ngành và định hướng vĩ mô của Nhà nước. Bất kỳ biến động nào của chính sách cũng ảnh hưởng rất lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Giá mặt hàng quặng Titan trên thị trường thời gian gần đây đang diễn biến theo chiều hướng bất lợi cho HUMEXCO. Cụ thể, giá bán Titan năm 2015, 2014 chỉ còn 50 - 60% so với năm 2012 và 2013, trong đó một số sản phẩm như Xi Titan thì hoàn toàn không tiêu thụ được vì giá bán thấp hơn cả giá thành. Với mức giá bán này thì Công ty ắt khó để bù đắp chi phí sản xuất cũng như đảm bảo lợi nhuận, chính vì thế lượng tiêu thụ hàng hóa, giá bán hàng của Công ty liên tục sụt giảm, lượng hàng tồn kho liên tục tăng cao qua các năm. Tình hình biến động tiêu cực này làm HUMEXCO đứng trước sức ép phải tái sắp xếp sản xuất và tạm dừng hoạt động của các nhà máy chế biến, đồng thời có phương án bán quặng mỏ để duy trì sự tồn tại trong giai đoạn khó khăn này của Công ty. Nếu như trong những năm tiếp theo tình hình thị trường không thay đổi thì Công ty sẽ có thể phải chịu tình trạng SXKD thua lỗ.

Trong giai đoạn chịu ảnh hưởng suy thoái và khó khăn chung này, dẫn đến ngành khai thác sản xuất Titan không còn hiệu quả kinh tế như trước, mà càng chế biến càng lỗ, vì vậy hầu hết các công ty Titan đã bắt đầu phải ngừng hoạt động hoặc đóng cửa từ năm 2013 ở các tỉnh Bình Định, Phan Thiết, Thái Nguyên, Quảng Trị,...

Vì vậy đứng trước tình hình trên, công ty cũng chịu ảnh hưởng nặng nề của sự suy thoái này. Thời gian qua với tinh thần của ban lãnh đạo là cố gắng duy trì hoạt động kinh doanh để chăm sóc nuôi quân ổn định an sinh xã hội, đùm bọc nhau bằng cách: dần cho sắp xếp cắt giảm sản lượng chế biến, tạm ngừng một số nhà máy kém hiệu quả như: nhà máy La Sơn, nhà máy Phú Lộc, nhà máy Phú Bài; Điều quân tạm chia việc, chia lương để duy trì kéo dài càng lâu càng tốt nhằm vượt qua giai đoạn kinh tế khó khăn và cũng đã tồn tại được hơn 2 năm. Tuy nhiên với dự đoán tình hình suy thoái của ngành Titan trên thế giới và toàn quốc vẫn còn tiếp diễn, trong khi đó thực trạng hoạt động SXKD của công ty đã đến thời điểm không thể gánh vác được nữa do hàng hóa tồn kho số lượng lớn không bán được, giá bán quá thấp nên nếu càng chế biến sẽ càng lỗ khiến gánh nặng nợ ngân hàng của công ty ngày càng tăng. Thêm vào đó, sản lượng khai thác quặng mỏ ngày càng sụt giảm do thiếu mỏ nên cũng không thể tiếp tục tiến hành chế biến được nữa. Với tình hình kinh tế khó khăn trên cộng thêm thu nhập ít ỏi nên lượng công nhân xin nghỉ việc ngày càng đông, vì vậy bắt buộc công ty phải chuyển sang phương án hoạt động cầm chừng trên cơ sở thực hiện

việc sắp xếp lại toàn bộ hoạt động SXKD nhằm cứu vãn sự tồn tại của công ty và đảm bảo các mục tiêu trước mắt như sau:

- Cố gắng duy trì lực lượng công nhân bằng cách tạo công ăn việc làm tại mỏ khai thác với mức thu nhập tương đối để tạm thời ổn định đời sống, chờ cơ hội thị trường vực dậy để khôi phục sản xuất khi cần;
 - Vẫn phải duy trì cầm chừng sản lượng mỏ cho công ty bằng cách điều công nhân chế biến về khai thác tại mỏ Điền Hòa – Điền Hải;
 - Giảm tối thiểu hoạt động chế biến tốn nhiều chi phí mà không hiệu quả kinh tế trong giai đoạn này;
 - Giảm thiểu khả năng rủi ro thua lỗ cho công ty trong năm 2016.
 - Đảm bảo khâu chế biến có thể triển khai sản xuất khi cần nếu có cơ hội xuất từng lô hàng phù hợp với giá thành sản xuất.
- Ngoài sự chi phối đến từ giá cả và nhu cầu sử dụng của sản phẩm, HUMEXCO còn chịu những rủi ro đến từ nguồn đất mỏ khai thác. Đối với đặc thù của công ty thì nguồn mỏ mang tính chất sống còn của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên hiện nay nguồn mỏ Titan của công ty đang ngày càng thiếu hụt và bị thu hẹp. Công ty không có nguồn mỏ chủ lực nào để phục vụ cho quá trình phát triển lâu dài trên 3 năm, mà chủ yếu đang khai thác lại trên những diện tích đất mỏ đã khai thác trước đây hoặc tận thu các diện tích đất mỏ nhỏ lẻ, manh mún có hàm lượng nghèo, do đó chỉ xây dựng được kế hoạch SXKD cho từng năm một. Từ năm 2012 Công ty đã bắt đầu triển khai và lập đầy đủ hồ sơ xin cấp mỏ để trình Bộ Tài nguyên Môi trường cấp phép, nhưng kể từ khi có chỉ thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Chính phủ về việc tạm ngừng cấp mỏ để chấn chỉnh tình hình khai thác nhưng không quan tâm đầu tư chế biến sâu nên kéo theo Công ty mặc dù thủ tục xin cấp mỏ công nghiệp Quảng Công - Quảng Ngạn của Công ty đã gần hoàn tất nhưng đã bị tạm ngưng lại một thời gian dài gây khó khăn rất nhiều cho việc xây dựng kế hoạch nguồn nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy chế biến sâu trong những năm sau, vì các mỏ hiện tại của công ty đều là mỏ tận thu nên trữ lượng nhỏ, hàm lượng nghèo nên rất khó đảm bảo được sản lượng cho công tác chế biến sâu. Năm 2012, Chính phủ đã có công văn số 10369/VPCP-KTN ngày 18/12/2012 về việc yêu cầu tiếp tục tháo gỡ khó khăn về nguyên liệu cho các dự án chế biến sâu khoáng sản cho các đơn vị khai thác chế biến khoáng sản đã có nhà máy chế biến sâu và công ty cũng đã trình đề nghị UBND Tỉnh giúp thúc đẩy tiến độ cấp mỏ của các Bộ ngành, từ đó UBND Tỉnh đã có công văn số 27/UBND-TN ngày 04/01/2013 kiến nghị Chính phủ về việc cho phép Công ty được lập thủ tục khai thác khoáng sản Titan và

Văn phòng Chính phủ cũng đã ra văn bản số 40/TC -VPCP ngày 15/01/2013 chuyển Bộ Tài nguyên Môi trường đề nghị giải quyết thủ tục cấp mỏ của Công ty.

Tuy nhiên tính đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa được Bộ Tài nguyên Môi trường và Chính phủ cấp phép khai thác mỏ Quảng Công - Quảng Ngạn, nhưng nếu được cấp phép khai thác thì mỏ này chỉ phục được cho công suất hoạt động của công ty trong thời gian dự kiến 6-7 năm, do có nhiều diện tích mỏ bị nằm chồng lấn với các đường bê tông liên thôn, với khu dân cư, với khu mỏ địa phương,... Vì vậy để tiếp tục duy trì cầm cự sản xuất, công ty phải khai thác bòn mót lại lần 3 trên các vùng mỏ đã khai thác những năm trước đây hoặc tận thu tại các khu đất nhỏ lẻ manh mún với hàm lượng mỏ rất nghèo nên sản lượng khai thác sụt giảm chỉ còn 40-50% so với những năm trước 2013, do đó không đủ nguồn nguyên liệu cho nhà máy hoạt động, chi phí giá thành khai thác sản xuất quặng mỏ tăng cao, làm giảm hiệu quả sản xuất của công ty.

- Khó khăn và vướng mắc về chính sách thuế:
 - Về thuế xuất khẩu: Chính phủ đang quy định thuế xuất khẩu đến 40% đối với các sản phẩm Titan là quá cao so với tình hình tiêu thụ cực kỳ khó khăn của ngành Titan thế giới hiện nay, điều này dẫn đến gánh nặng chi phí giá thành rất lớn cho doanh nghiệp.
 - Về thuế tài nguyên:
 - Biểu thuế suất của Chính phủ: Biểu thuế suất của nhà nước năm 2013 là 11% nay tăng thêm 5%, tổng cộng là 16% và dự kiến trong năm 2016 sẽ tăng lên 18%.
 - Giá tính thuế: Việc quy định các tính Giá tính thuế tài nguyên trong các nghị định, thông tư của Nhà nước vẫn còn nhiều điểm chưa rõ ràng nên khi các cơ quan chuyên ngành xây dựng giá tính thuế rất dễ đưa ra nhận định chủ quan khiến cho doanh nghiệp bị động trong việc hoạch toán và xây dựng chiến lược kinh doanh lâu dài.
 - Ngoài hai loại thuế trên công ty còn phải đóng nhiều loại thuế phí khác ở mức cao như tiền cấp quyền khai thác, phí BVMT, phí thuê đất,..

Theo tính toán của Công ty thì tổng các loại thuế phí hiện chiếm tỷ trọng bình quân đến 50% giá bán các loại sản phẩm Titan mà chưa kể đến các chi phí sản xuất khác.

8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của công ty trong ngành

Được thành lập năm 1987 với tiền thân là Xí nghiệp Titan Bình Trị Thiên, sau hàng chục năm hoạt động, Công ty đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực khai thác

và chế biến khoáng sản, qua đó tạo được lợi thế đáng kể cho Công ty so với những doanh nghiệp cùng ngành nghề trên địa bàn tỉnh nói riêng và cả nước nói chung.

- **Về Kinh nghiệm - Uy tín:** Trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Khoáng Sản Thừa Thiên Huế là một trong những công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Công ty còn khai thác và chế biến các sản phẩm là tinh quặng Ilmenite, Rutile, Monazite, Zircon, bột Zircon và xỉ titan, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm chúng tôi được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thuỷ tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác.

- **Về Nguồn nhân lực:** Qua một quá trình dài tồn tại và phát triển công ty đã đầu tư được cơ sở sản xuất đầy đủ đồng bộ từ khai thác đến chế biến sâu, đồng thời xây dựng được một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, chuyên nghiệp, ổn định và đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đạt hiệu quả trong nhiều năm liền.

- **Về Công nghệ - Khoa học kỹ thuật:** Công ty luôn là một trong những đơn vị đi đầu về việc nghiên cứu đầu tư các dây chuyền công nghệ chế biến sâu các sản phẩm titan trên toàn quốc, đáp ứng được yêu cầu tăng cường chế biến sâu của Chính phủ. Các dự án chế biến sâu của công ty gồm có: Năm 2003 công ty đã hoàn thành nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon công suất 4.500 Tấn/năm; Năm 2005 công ty tiếp tục đầu tư nhà máy chế biến sâu và nghiền siêu mịn Zircon thứ 2 tại KCN Phú Bài công suất 5.000 Tấn/năm; Năm 2011 Công ty hoàn thành nhà máy xỉ Titan tại KCN La Sơn với công suất 10.000 Tấn/năm. Như vậy công ty đã xây dựng và đầu tư đồng bộ hệ thống dây chuyền công nghệ từ khâu khai thác đến khâu chế biến sâu các sản phẩm Titan.

8.2 *Triển vọng của ngành*

Tại hội thảo quốc tế khoáng sản titan ASEAN được tổ chức tại TP. Vũng năm 2013, đại diện Bộ TN&MT cho biết, tổng trữ lượng và tài nguyên dự báo quặng titan-zircon ở Việt Nam là 664 triệu tấn quặng tinh. Sa khoáng Titan chủ yếu phát hiện dọc ven biển từ Thanh Hóa đến Bắc Bà Rịa - Vũng Tàu, gần bằng 50% trữ lượng toàn thế giới (1.400 triệu tấn). Nhờ nguồn tài nguyên này mà Việt Nam được dự đoán là một trong những quốc gia có ngành Khai khoáng titan phát triển nhất. Theo phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng titan giai đoạn 2007 - 2015, định hướng đến năm 2025, các vùng thuộc khu vực hoạt động khoáng sản titan gồm Thái Nguyên, vùng Thanh Hóa - Hà Tĩnh, vùng Quảng Trị- Thừa Thiên Huế, vùng Bình Định- Phú Yên, và vùng Bình Thuận- Bà Rịa - Vũng Tàu. Đặc biệt, trong giai đoạn 2016-2020, sẽ hình thành ngành công

nghiệp khai thác, chế biến quặng titan với các sản phẩm chính là xỉ titan, pigment, titan xốp, titan kim loại.

Tính đến thời điểm hiện tại có 2 công ty khai thác và chế biến Titan niêm yết trên thị trường chứng khoán là Công ty cổ phần khoáng sản Bình Định (BMC) và Công ty cổ phần khoáng sản Bình Thuận (KSA). Trong giai đoạn từ cuối năm 2012 đến nay, các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh khoáng sản Titan nói chung và HUMEXCO nói riêng đang phải đối mặt với tình trạng thị trường tiêu thụ Titan thế giới bị giảm sút đáng kể. Mức cầu, sản lượng tiêu thụ và giá cả các sản phẩm Titan trên thị trường đang ở mức rất thấp so với những năm trở lại đây và vẫn tiếp diễn cho tới thời điểm hiện tại. Cụ thể, giá bán Titan năm 2015, 2014 chỉ còn 50 - 60% so với năm 2012 và 2013, trong đó một số sản phẩm như Xi Titan thì hoàn toàn không tiêu thụ được vì giá bán thấp hơn cả giá thành. Trong bối cảnh những nền kinh tế hàng đầu và có mức độ tiêu thụ khoáng sản Titan của Việt Nam cao như Trung Quốc hay các nước ở Châu Âu đang chứng kiến những gam màu tối trong tăng trưởng kinh tế, thị trường Titan được dự báo trong ngắn hạn sẽ không mấy khởi sắc. Tuy nhiên, do Titan là đầu vào của nhiều ngành khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,... Vì vậy về mặt dài hạn, sức cầu của nguyên vật liệu này là rất lớn và được dự báo vượt xa mức cung trên thị trường. Chính vì vậy, HUMEXCO trong ngắn hạn sẽ tiếp tục thực hiện những giải pháp để ổn định và duy trì hoạt động của Công ty, qua đó tích lũy và nâng cao năng lực để phát triển trong dài hạn.

8.3 Sự phù hợp định hướng phát triển của công ty

Titan là khoáng sản kim loại với những tính năng ưu việt như khối lượng thấp, độ bền hóa học và độ cứng cao,... đã và đang trở thành nguyên vật liệu chính cho nhiều ngành công nghiệp khác nhau, như khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,... Các sản phẩm chế biến sâu từ Quặng Titan có giá trị tối thiểu gấp 3 lần so với quặng ilmenite thô, bên cạnh trữ lượng tài nguyên khoáng sản dồi dào của Việt Nam, ngành Công nghiệp khai thác và chế biến Titan được xem là một trong những tiềm năng và lợi thế rất lớn của Việt Nam.

Định hướng cho ngành Titan Việt Nam trong việc khai thác và chế biến sâu Titan đến năm 2025, đã được Chính phủ đã xác định rõ: nghiêm cấm xuất thô quặng Titan, khuyến khích chế biến sâu các sản phẩm từ quặng Titan để phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Theo quy định tại chỉ thị 02/CT-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 09 tháng 01 năm 2012 Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản, từ 01 tháng 7 năm 2012, không xuất khẩu quặng titan chưa qua chế biến sâu và việc xuất khẩu phải được chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ.

Theo thông tư 41/2012 -TT-BCT ngày 21 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương Quy định nhằm siết chặt việc xuất khẩu khoáng sản, qua đó hạn chế tối đa việc xuất khẩu quặng thô, quy định rõ ràng ra loại khoáng sản nào, đạt tiêu chuẩn nào mới được xuất khẩu. Việc xuất khẩu quặng titan, thông tư 41 qui định chỉ được phép xuất khẩu xỉ titan loại 1 (tỉ lệ oxit titan lớn hơn hoặc bằng 85%) và xỉ titan loại 2 (tỉ lệ oxit titan lớn hơn 70% và nhỏ hơn 85%); các loại quặng titan có hàm lượng oxit titan dưới 70% phải được tinh chế ở trong nước trước khi bán ra nước ngoài. theo thông tư 41/2012/TT- BCT của Bộ công thương sản phẩm titan chế biến sâu được phép xuất khẩu tối thiểu phải là Ilmenite hoàn nguyên ($TiO_2 \geq 56\%$). Đây là cơ sở và tiềm năng rất lớn cho các doanh nghiệp đi đầu về việc triển khai các dự án chế biến sâu Titan như chế biến Xi Titan, bột Ziron siêu mịn, bột màu TiO_2 pigment... như HUMEXCO.

Theo Quyết định số 1546/QĐ-TTg ngày 03 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng quặng Titan giai đoạn đến năm 2020, có xét tới năm 2030. Theo đó, mục tiêu tổng quát đến năm 2020: Hình thành ngành công nghiệp titan với các sản phẩm chế biến sâu đến pigment và titan xốp; đảm bảo nhu cầu trong nước về pigment; xuất khẩu các sản phẩm xỉ titan, titan xốp, muối zircon oxychloride. Đến năm 2030: Phát triển ngành công nghiệp titan ổn định và bền vững; tập trung và ưu tiên phát triển các sản phẩm pigment, titan xốp, titan kim loại và titan hợp kim phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

Bên cạnh định hướng phát triển chung của Nhà nước, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm sát sao đến các hoạt động sản xuất của Công ty sản trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ tài nguyên. Ngoài ra HUMEXCO luôn chú trọng tới chính sách tuyển dụng, đào tạo đội ngũ lao động cho Công ty, do đó đội ngũ kỹ sư, cán bộ nhân viên luôn năng động, nhạy bén trong công việc và có những tư duy tốt trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Như vậy, với chiến lược kinh doanh và định hướng phát triển đặt trọng tâm chế biến sâu xỉ Titan nhằm phát huy hiệu quả công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm. Tiếp tục tập trung đào tạo, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, tài chính, kỹ thuật của cán bộ quản lý các cấp và xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân viên, công nhân tay nghề và trình độ nghiệp vụ cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh công tác tiếp tục đổi mới công nghệ, củng cố và nâng cao chất lượng từng loại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng, đồng thời tăng dần tỷ trọng các sản phẩm có giá trị cao và giảm dần các sản phẩm có giá trị thấp là phù hợp với định hướng và quy hoạch phát triển chung của Nhà nước.

II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Thực trạng về tài sản cố định

Tình hình tài sản cố định của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (31/12/2014) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	223.617.520.119	131.265.813.052	92.351.707.067
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	74.914.839.068	37.534.841.571	37.379.997.497
▪ Máy móc thiết bị	136.972.527.516	87.047.604.628	49.924.922.888
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10.087.969.845	5.504.735.000	4.583.234.845
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.642.183.690	1.178.631.853	463.551.837
2. Tài sản cố định vô hình	1.929.768.000	1.371.366.289	558.401.711
- Công nghệ sản xuất xi Titan	990.528.000	432.126.289	558.401.711
- Công nghệ SX Zircon nghiền mịn	939.240.000	939.240.000	0
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2014 của HUMEXCO

2. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

❖ Vốn chủ sở hữu:	299.911.559.335 đồng
<i>Trong đó:</i>	
▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	83.010.527.260 đồng
▪ Vốn khác của chủ sở hữu	0 đồng
▪ Quỹ đầu tư phát triển:	0 đồng
❖ Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	524.419.138 đồng
❖ Các khoản phải thu:	9.458.354.316 đồng
▪ Phải thu ngắn hạn:	9.458.354.316 đồng
▪ Phải thu dài hạn:	0 đồng
❖ Nợ phải trả:	74.543.235.221 đồng
▪ Nợ ngắn hạn:	74.543.235.221 đồng

- Nợ dài hạn: 0 đồng

3. Thực trạng về lao động

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 22/04/2016, tổng số CBCNV của Công ty là 441 người với cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	441	100%
▪ Trình độ trên đại học	0	0%
▪ Trình độ đại học	67	15,19%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	5	1,13%
▪ Trình độ khác	369	83,67%
Theo loại hợp đồng lao động	441	100%
▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	6	1,36%
▪ Hợp đồng không thời hạn	362	82,09%
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	64	14,51%
▪ Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,00%
▪ Hợp đồng tuyển dụng trước ngày 30/08/1990 nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ	9	2,04%
Theo giới tính	441	100%
▪ Nam	394	89,34%
▪ Nữ	47	10,66%

Nguồn: HUMEXCO

Số lao động bình quân các năm giai đoạn trước cổ phần hóa như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tháng 4/2016
Số lao động bình quân năm	1.286	1.007	716	441

Nguồn: HUMEXCO

4. Giá trị quyền sử dụng đất

Theo Công văn số 5575/UBND -ĐC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế về Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế và Công văn số 845/STNMT -QLĐĐ ngày 09/09/2015 của

Sở Tài nguyên Môi trường Tỉnh Thừa Thiên Huế. phương án sử dụng đất của Công ty sau cổ phần hóa như sau:

TT	Khu đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng sau CPH.	Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
I Đất Văn phòng Công ty, nhà xưởng sản xuất					
1	53 Nguyễn Gia Thiều	11.841	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời gian thuê là: 20 năm, đến năm 2020	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng điều hành Công ty; - Nhà máy chế biến Titan Huế; - Nhà máy nghiền mịn Zircon Huế; - Xưởng Cơ điện Công ty; 	-
2	Khu vực đèo mũi Né, Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, TT. Huế:	7.729	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê: 30 năm (đến ngày 23/10/2032)	Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc.	-
3	KCN La Sơn, xã Lộc Sơn, huyện Phú Lộc, TT. Huế	80.950	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê: 50 năm (đến ngày 01/8/2058)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy xi Titan TT. Huế; - Nhà chứa tinh quặng Titan. 	-
4	KCN Phú Bài, TX Hương Thủy, TT. Huế	63.387	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê: 50 năm (đến ngày 28/02/2049)	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà máy nghiền mịn Zircon Phú Bài; - Nhà kho Công ty. 	-
5	Dạ Lê, Phường Thủy Phương, TX Hương Thủy, TT. Huế	19.600	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê: 25 năm (đến ngày 19/7/2029)	Xưởng xay nghiền đá Dạ Lê.	-
II Đất mỏ khai thác					
1	Mỏ khai thác khoáng sản đá – Xã Hương Bình, thị xã Hương Trà, TT. Huế	50.000	Nhà nuôi cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất đến ngày 11/7/2039	Khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường.	-

TT	Khu đất	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng sau CPH.	Giá trị tính vào giá trị doanh nghiệp (đồng)
2	Mỏ Titan Vinh Xuân – Thôn Kế Võ, xã Vinh Xuân, huyện Phú Vang, TT. Huế	377.261	Nhà múc cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất đến ngày 27/4/2024,	Đã khai thác 1 lần 1&2, tiếp tục khai thác bồn mót lần 3 khi có hiệu quả-Xưởng Khai thác Titan Vinh Xuân	-
3	Mỏ đá Hương Thọ, xã Hương Thọ, huyện Hương Trà, TT. Huế	100.000	Nhà múc cho thuê đất trả tiền hàng năm. Thời hạn thuê đất đến ngày 10/01/2038,	Khai thác đá - Xưởng khai thác và nghiền đá Hương Thọ	-
III	Đất mỏ khai thác đang xin cấp phép				
1	Mỏ Quảng Ngạn - Quảng Công	2.880.000			-

5. Những vấn đề cần tiếp tục xử lý khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp

Căn cứ hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế, Công ty còn tiếp tục xử lý một số vấn đề như sau:

- Đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả: Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, phân loại đối chiếu các khoản công nợ và thực hiện theo đúng quy định trong quá trình cổ phần hóa;
- Đối với các tài sản không cần dùng và tài sản chờ thanh lý loại ra khỏi giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, Công ty có trách nhiệm tiếp tục quản lý cho đến khi được xử lý theo đúng quy định.

III. KẾT LUẬN

Công ty TNHH Nhà Nước Một Thành Viên Khoáng Sản Thừa Thiên Huế là một trong những công ty hàng đầu về khai thác và chế biến khoáng sản Titan của Việt Nam. Công ty thực hiện khai thác và chế biến các sản phẩm là tinh quặng Ilmenite, Rutile, Monazite, Zircon, bột Zircon và xỉ Titan, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chất lượng của khách hàng trong nước và ngoài nước. Sản phẩm của Công ty được dùng làm nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp và được sử dụng rộng rãi trong lĩnh vực sản xuất gạch, gốm, thủy tinh, sơn, luyện kim và nguyên liệu đa dạng cho nhiều ngành công nghiệp khác. Với đội ngũ nhân sự năng động và nhiều kinh nghiệm, Công ty đã tạo được vị thế vững chắc trên thị trường khoáng sản đối với các doanh nghiệp cùng ngành, các đối tác liên doanh, liên kết, cũng như sự tin tưởng của UBND Thành phố. Qua đó kinh nghiệm quản lý và điều hành dự án của Công ty ngày càng được nâng cao.

Từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH MTV đến nay, HUMEXCO đã nhận được nhiều bằng khen và danh hiệu trong công tác hoạt động sản xuất và hoạt động cộng đồng. Công ty đã nhận được bằng khen đã có thành tích xuất sắc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển cộng đồng DN Việt Nam năm 2015 và là Đơn vị đạt danh hiệu "Điển hình tiên tiến trong PT thi đua yêu nước của CNVC- LĐ tỉnh TTH giai đoạn 2010-2015. Căn cứ tình hình tổng quan và thực trạng của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp có thể khẳng định Công ty đủ điều kiện thực hiện cổ phần hóa. Việc đổi mới phương thức quản lý thông qua quá trình cổ phần hóa sẽ giúp cho Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế hoạt động tốt hơn khi chuyển sang Công ty Cổ phần.

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính hướng dẫn về bán cổ phiếu lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn của nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ về chính sách tinh giản biên chế;
- Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC hướng dẫn chính sách tinh giản biên chế;
- Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 06/5/2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy trình sắp xếp chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước ;
- Căn cứ Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt đề án “Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015”;
- Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện cổ phần hoá tại Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TT. Huế;

- Căn cứ Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 27/02/2014 của UBND Tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá tại Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TT. Huế;
- Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-BCĐCPH ngày 05/3/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hoá về việc thành lập Tổ giúp việc cổ phần hoá tại Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản TT. Huế.
- Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hóa.

2. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu, tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, tăng cường năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty hiện nay và trong tương lai;
- Huy động vốn nhân rộng của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân và các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước để đầu tư phát triển doanh nghiệp;
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự; gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước;
- Việc chuyển đổi từ hình thức công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần, buộc người lao động hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình đối với công ty, lợi nhuận làm ra không phải là của Nhà nước, mà gắn chặt trên mỗi cổ đông, mỗi cán bộ công nhân viên. Vì vậy người lao động sẽ tích cực và năng nổ hơn trong sản xuất, bộ máy quản lý sẽ được thiết lập lại một cách chỉnh chu và cơ cấu gọn nhẹ hơn, giúp tiết kiệm tối đa chi phí và nâng cao lợi nhuận cho Công ty.

3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của UBND tỉnh, Ban Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp tỉnh, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty, các cơ quan ban ngành; nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần;

- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho cán bộ công nhân viên được thực hiện chu đáo;
- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

4. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

Căn cứ Quyết định số 809/QĐ-UBND ngày 22/04/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế để thực hiện cổ phần hóa,:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 01/01/2015 của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là: **472.712.807.202** đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi hai tỷ, bảy trăm mười hai triệu, tám trăm lẻ bảy nghìn, hai trăm lẻ hai đồng)
- Trong đó, giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 01/01/2015 để cổ phần hóa là: **223.733.013.035** đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba tỷ, bảy trăm ba mươi ba triệu, không trăm mười ba nghìn, không trăm ba mươi lăm nghìn).

Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế tại thời điểm 01/01/2015 được trình bày chi tiết ở bảng sau:

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU THEO CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	(4)=(3)-(2)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	461.882.364.728	472.259.433.312	10.377.068.584
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	128.781.548.545	128.610.778.775	(170.769.770)
1. Tài sản cố định	122.971.460.304	122.800.690.534	(170.769.770)
a. Tài sản cố định hữu hình	122.971.460.304	122.054.440.823	(170.769.770)

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU THEO CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>(4)=(3)-(2)</i>
b. Tài sản cố định vô hình (chưa bao gồm tiền sử dụng đất)	746.249.711	746.249.711	-
2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-
4. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	-	-	-
5. Chi phí trả trước dài hạn (chưa bao gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	5.810.088.241	5.810.088.241	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	275.734.597.537	275.734.736.832	-
1. Tiền	15.623.127.055	15.623.127.055	-
+ Tiền mặt tồn quỹ	15.623.127.055	15.623.127.055	-
+ Tiền gửi ngân hàng	-	-	-
+ Tiền đang chuyển'	-	-	-
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
3. Các khoản phải thu	9.458.354.316	9.458.354.316	-
4. Vật tư hàng hoá tồn kho	201.971.580.710	201.971.580.710	-
5. Tài sản lưu động khác	48.681.674.751	48.681.674.751	-
- Chi phí trả trước ngắn hạn			-
- Thuế GTGT được khấu trừ	44.211.515.974	44.211.515.974	-
- Thuế và các khoản phải thu khác	4.470.158.777	4.470.158.777	-
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	57.366.079.351	67.913.917.705	10.547.838.354
1. Giá trị tiềm năng phát triển	55.866.079.351	66.413.917.705	10.547.838.354
2. Giá trị thương hiệu	1.500.000.000	1.500.000.000	-
IV. Giá trị quyền sử dụng đất		-	-
B. Tài sản không cần dùng	-	-	-
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn	-	-	-

CHỈ TIÊU	SỐ LIỆU THEO CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ	SỐ LIỆU XÁC ĐỊNH LẠI	CHÊNH LỆCH
1	2	3	(4)=(3)-(2)
hạn			
C. Tài sản chờ thanh lý	-	-	-
1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	-	-	-
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
D. Tài sản chuyển giao cho Điện lực TT Huế	453.373.890	453.373.890	-
1. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	453.373.890	453.373.890	-
2. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	-	-	-
Đ. Tài sản hình thành từ quỹ PL, khen thưởng (không sử dụng cho mục đích SXKD)	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+ B+ C+ D+Đ)	462.335.738.618	472.712.807.202	10.377.068.584
Trong đó:			-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	461.882.364.728	472.259.433.312	10.377.068.584
Chênh lệch đánh giá tài sản chuyển giao	142.902.000	142.902.000	-
E1. Nợ thực tế phải trả	248.669.322.277	248.669.322.277	-
E2. Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP {A- (E1+E2)}	213.355.944.450	223.733.013.035	10.377.068.585

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp HUMEXCO

❖ **Tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp:**

Tại thời xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị tài sản không cần dùng và tài sản chờ chuyển giao của HUMEXCO có nguyên giá và giá trị còn lại theo giá trị sổ sách lần lượt là 2.805.731.006 đồng và 453.373.890 đồng, chi tiết như sau:

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
----	-------------	------------	-------------	-----------------

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	TSCĐ KHÔNG CẦN DÙNG	289.301.000	289.301.000	0
<i>I</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>			
<i>II</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	289.301.000	289.301.000	0
1	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện)	289.301.000	289.301.000	
B	TSCĐ CHỜ THANH LÝ	784.968.467	784.968.467	0
<i>I</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>			
<i>II</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	784.968.467	784.968.467	0
*	Nhà máy chế biến Titan Huế			
1	Máy tuyến điện (2 máy) (đề nghị thanh lý) (Đã có hư hỏng, sử dụng không hiệu quả, hiện tại không sử dụng)	126.090.000	126.090.000	0
2	Máy khoan điện 0078 (Đề nghị thanh lý) (Đã có hư hỏng, sử dụng không hiệu quả, hiện tại không sử dụng)	51.401.000	51.401.000	0
3	Xe 05 chỗ Mazda 323 (đề nghị thanh lý)	294.087.800	294.087.800	0
*	Nhà máy nghiền mịn Zircon Huế			
*	Nhà máy chế biến Titan Phú Lộc			
1	Máy tuyến từ, tuyến điện (02 tuyến từ, 01 tuyến điện) 0094 (Trục tang bị bong, xước hỏng, điốt cuộn áp sửa chữa nhiều lần, thân vỏ yếu, xọc xước, han gỉ).	140.363.000	140.363.000	0
2	Xe xúc lật Komatsu WA100 (0132), (Trung Quốc) (Xưởng Phú Lộc) (Đề nghị thanh lý) (Thân vỏ gỉ sét, xuống cấp, sử dụng không hiệu quả)	132.240.000	132.240.000	0
*	Nhà máy Xi La Sơn			
1	Băng tải bốc quặng mỏ (01 hỏng ở La Sơn) (Đã hỏng, không sử dụng được)	40.786.667	40.786.667	0
C	TSCĐ CHUYỂN GIAO CHO CÔNG TY ĐIỆN LỰC THỪA THIÊN HUẾ	1.731.461.539	731.152.149	453.373.890
<i>I</i>	<i>Nhà cửa vật kiến trúc</i>	-	-	-
<i>II</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	1.731.461.539	731.152.149	453.373.890

TT	Tên tài sản	Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Trạm biến áp 400 KVA, 22/0,4kV Dạ Lê và đường dây trung áp 22kV (dây dẫn 2xAC-95; cột BTLT) (0,106km)	210.630.605	210.630.605	
2	Trạm biến áp 750KVA, 22/0,4kV Phú Bài và đường dây trung áp 22kV (cáp ngầm 3xM70, cột BTCT) (0,06km)	520.521.544	520.521.544	
3	Trạm biến áp xưởng Huế 1000KVA, 22/0,4kV và đường dây trung áp 22kV (dây dẫn 3xACV95, cột BTCT) (0,012km)	546.579.256		188.699.756
4	Trạm biến áp Phú Lộc 560KVA, 22(10)/0,4kV và đường dây trung áp 22kV (dây dẫn 3xAC70, cột BTCT) (0,090km)	453.730.134		264.674.134
	Tổng cộng	2.805.731.006	1.805.421.616	453.373.890

Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp HUMEXCO

Các tài sản không cần dung, tài sản chờ thanh lý và tài sản chờ bàn giao nêu trên, Công ty có trách nhiệm thực hiện bàn giao theo quy định. Trong thời gian chưa bàn giao, Công ty TNHH NN một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế có trách nhiệm quản lý theo đúng quy định.

II. PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần là “**Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**”.

2. Tên Công ty cổ phần

- Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ**
- Tên tiếng Anh : **THUA THIEN HUE MINERALS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt : **HUMEXCO**
- Địa chỉ : **53 Nguyễn Gia Thiều, phường Phú Hậu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.**
- Điện thoại : **054.3541044 - 054. 3523695**
- Fax : **054.3527926**

- Email : humexco@dng.vnn.vn



- Logo : HUMEXCO

3. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh sau quá trình cổ phần hóa, vốn điều lệ của công ty dự kiến như sau:

- Vốn điều lệ Công ty : **300.000.000.000 đồng.**
- Mệnh giá một cổ phần: 10.000 đồng.
- Số lượng cổ phần: 30.000.000 cổ phần.

Căn cứ Quyết định số 2919/QĐ-UBND ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Doanh nghiệp nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2015, Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là doanh nghiệp thuộc diện Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không giữ cổ phần khi cổ phần hóa, vì vậy kính trình Ban chỉ đạo xem xét trình Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt tỷ lệ cổ phần Nhà nước nắm giữ tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là 49%.

Cơ cấu vốn điều lệ của công ty cổ phần dự kiến như sau:

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ %
1	Nhà nước	14.700.000	147.000.000.000	49
2	CBCNV mua ưu đãi	651.700	6.517.000.000	2,17
2.1	<i>Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước</i>	372.600	3.726.000.000	1,24
2.2	<i>Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần</i>	279.100	2.791.000.000	0,93
3	Công đoàn Công ty	-	-	-
4	Nhà đầu tư chiến lược	-	-	-
5	Nhà đầu tư bên ngoài mua	14.648.300	146.483.000.000	48,83%

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần (đồng)	Tỷ lệ %
	cổ phần thông qua đấu giá			
Tổng cộng		30.000.000	300.000.000.000	100%

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Huế sau khi Công ty Cổ phần Khoáng sản Huế đã chính thức hoạt động theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh.

4. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần giá ưu đãi và việc phát hành cổ phần qua đấu giá

4.1 Phương thức bán cổ phần lần đầu

Việc bán cổ phần lần đầu của Công ty cổ phần Khoáng sản Huế được áp dụng theo phương thức bán đấu giá công khai quy định tại Điều 37 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 7 Thông tư số 196/2011/TT-BTC, khoản 9 Điều 1 Nghị định 116/2015/NĐ-CP. Giá đấu thành công thấp nhất của cuộc đấu giá là cơ sở để xác định giá bán cổ phần cho người lao động được mua cổ phần.

Sau khi tổ chức bán đấu giá công khai, sẽ bán tiếp số lượng cổ phần chưa bán hết (nếu có) theo phương thức thỏa thuận trực tiếp, theo quy định tại Điều 39, Điều 40 Nghị định 59/2011/NĐ-CP và Điều 6, Điều 8 Thông tư số 196/2011/TT-BTC.

Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua Đại hội đồng cổ đông lần đầu về quyền bán tiếp phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Huế sau khi Công ty Cổ phần Khoáng sản Huế đã chính thức hoạt động theo Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt điều chỉnh.

4.2 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Cán bộ công nhân viên Công ty, Nhà đầu tư chiến lược và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

4.3 Cổ phần bán cho CBCNV

- ❖ Cổ phần CBCNV mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (*đấu giá cổ phần công khai ra công chúng*).

- Tổng số CBCNV có tên trong danh sách lao động Công ty ngày 22/4/2016 (*thời điểm UBND tỉnh Thừa Thiên Huế công bố giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế để cổ phần hóa*) là **441** người.

- Tổng số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **441** người.

- Tổng số năm công tác toàn bộ số CBCNV được mua cổ phần theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước: **3.726** năm.

- Tổng số cổ phần CBCNV được mua theo quy định của hình thức này là **372.600** cổ phần với tổng mệnh giá là **3.726.000.000** đồng chiếm **1,24%** vốn điều lệ công ty cổ phần.

- Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

- Giá bán: Bằng 60% giá bán thành công thấp nhất thông qua đấu giá công khai.

- Danh sách CBCNV mua cổ phiếu theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước theo Phụ lục đính kèm..

Cổ phần CBCNV mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Theo quy định tại khoản 2b Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định là giá đấu thành công thấp nhất.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011: “*Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần*

sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có 164 CBCNV đăng ký mua theo quy định của hình thức này với tổng số cổ phần là 279.100 cổ phần, tương ứng tổng mệnh giá là 2.791.000.000 đồng, chiếm 0,93% vốn Điều lệ công ty cổ phần. Trong đó, số cổ phần mà người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đăng ký mua là 265.500 cổ phần.

Tiêu chí xác định người lao động là chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao gồm:

- ❖ Đối với cấp quản lý: bao gồm các chức danh phó phòng, phó các đơn vị trực thuộc công ty (bao gồm Giám đốc, phó giám đốc, trưởng, phó trưởng phòng, trưởng, phó trưởng các xưởng mỏ trực thuộc công ty);
- ❖ Đối với nhân viên các phòng ban và xưởng mỏ: có trình độ từ trung cấp từ trung cấp trở lên, có ít nhất 4 năm kinh nghiệm công tác tại công ty, không sai phạm bị kỷ thuật, trong công việc luôn đạt độ chính xác, tinh thông nghiệp vụ mà công ty giao;
- ❖ Đối với người lao động trực tiếp: là công nhân bậc 3/7 trở lên, thời gian làm việc tại công ty ít nhất là 5 năm và quá trình tham gia lao động trong ba năm 2013, 2014, 2015 đều được bình xét loại A;
- ❖ Các đối tượng trên tuổi đời:
 - Đối với nam tính đến ngày UBND tỉnh công bố giá trị doanh nghiệp không quá 55 tuổi;
 - Đối với nữ tính đến ngày UBND tỉnh công bố giá trị doanh nghiệp không quá 50 tuổi.

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV: Việc triển khai bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá cổ phần công khai ra công chúng.

Giá bán: Bằng giá đấu thành công thấp nhất.

Danh sách CBCNV đăng ký mua cổ phần với giá ưu đãi theo cam kết thời gian làm việc tại Công ty cổ phần theo Phụ lục đính kèm.

4.4 Cổ phần bán ưu đãi cho Tổ chức Công đoàn

Theo quy định tại Điểm c Mục 2 Điều 36, Nghị định 59/2011/NĐ -CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ thì “Công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa (theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Công đoàn; không huy động, vay vốn) để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ. Số cổ phần ưu đãi này do tổ chức công đoàn nắm giữ nhưng không được chuyển nhượng. Trường hợp tổ chức công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp cổ phần hóa được Đại hội cán bộ, công nhân viên chức tại doanh nghiệp cổ phần hóa ủy quyền sử dụng nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để mua và thay mặt cán bộ công nhân viên chức quản lý cổ phần này thì số cổ phần này được giảm trừ vào số lượng cổ phần ưu đãi người lao động được mua theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này và tổ chức công đoàn được quyền chuyển nhượng hoặc mua lại số cổ phần được mua từ quỹ khen thưởng, phúc lợi khi có yêu cầu của người lao động. Giá bán cổ phần ưu đãi cho tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa là giá bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định này”.

Tổ chức Công đoàn Công ty không đăng ký tham gia mua cổ phần giá ưu đãi của Công ty.

4.5 Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược

Theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ -CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần thì “Nhà đầu tư chiến lược là các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài có năng lực tài chính và có cam kết bằng văn bản của người có thẩm quyền trong việc gắn bó lợi ích lâu dài với doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp sau cổ phần hóa về: chuyển giao công nghệ mới; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực tài chính; quản trị doanh nghiệp; cung ứng nguyên vật liệu; phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm”. Dựa trên quy định này, Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế xây dựng các tiêu chí để lựa chọn nhà đầu tư chiến lược.

Tuy nhiên, đến nay chưa có nhà đầu tư chiến lược nào tham gia do đặc thù của ngành nghề kinh doanh của Công ty.

4.6 Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Số cổ phần thực hiện bán cho các nhà đầu tư bên ngoài như sau:

- Tổ chức bán đấu giá **14.648.300 cổ phần** với tổng mệnh giá **146.483.000.000** đồng, chiếm **48,83%** vốn Điều lệ công ty cổ phần.

- Giá khởi điểm: **10.000** đồng/cổ phần. (tham khảo Báo cáo thuyết minh giá khởi điểm do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á lập).

- Thời gian bán đấu giá: Dự kiến tháng 6/2016, sau khi có Quyết định của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế.

- Tổ chức thực hiện đấu giá: **Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).**

- Đối tượng tham gia đấu giá: Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ*).

5. Loại cổ phần và phương thức phát hành

5.1. Loại cổ phần

Tất cả cổ phần của Công ty tại thời điểm thành lập là cổ phần phổ thông. Các hoạt động mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty cổ phần và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

5.2. Phương thức phát hành

- Việc bán cổ phần ưu đãi cho CBCNV được thực hiện tại doanh nghiệp theo danh sách đã được phê duyệt.
- Cổ phần bán cho các nhà đầu tư khác thông qua hình thức bán đấu giá dự kiến được tổ chức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

6. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán

Sau khi cổ phần hoá, Công ty dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

7. Chi phí cổ phần hóa

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 196/2011/TT -BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính, tổng mức chi phí tối đa của doanh nghiệp cổ phần hóa có giá trị doanh nghiệp trên sổ kế toán trên 100 tỷ đồng là không quá 500 triệu đồng.

Giá trị thực tế của Công ty theo sổ sách vào thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

là **374.454.794.556** đồng, mức quy định chi phí cổ phần hóa của Công ty là **500.000.000** đồng. Công ty dự kiến chi phí cổ phần hóa bao gồm các khoản mục chính sau:

TT	Khoản mục chi phí	Số đề nghị của doanh nghiệp (Đồng)	Ghi chú
A	Các khoản chi phí trực tiếp tại công ty	194.000.000	
1	Chi phí tuyên truyền, công bố thông tin về doanh nghiệp; Chi phí quảng cáo trên báo chí Trung ương và Địa phương và chi phí khác.	25.000.000	
2	Phí dịch vụ đấu giá cổ phần*	160.000.000	
3	Chi phí khác	9.000.000	
B	Chi phí thuê tư vấn cổ phần hóa (căn cứ theo giá trị hợp đồng thực tế)	166.000.000	
1	Chi phí thuê tư vấn xác định GTDN	100.000.000	
2	Chi phí thuê tư vấn cổ phần hóa	66.000.000	
C	Thù lao cho Ban Chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc	140.000.000	
1	Thù lao cho Ban Chỉ đạo CPH và Tổ giúp việc Ban Đổi mới và Phát triển DN	80.000.000	
2	Thù lao cho Tổ giúp việc công ty	60.000.000	
	TỔNG CỘNG	500.000.000	

Ghi chú: ()* Căn cứ Thông tư số 82/2009/TT-BTC ngày 27/04/2009 của Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bán đấu giá cổ phần, lệ phí bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM là 0,3% trên tổng giá trị cổ phần thực tế bán được và tối đa không vượt quá 300 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần.

Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế kính trình Ban chỉ đạo xem xét, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt chi phí thực hiện cổ phần hóa của Công ty được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

8. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa thực hiện theo quy định tại mục III Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, dự kiến kế hoạch nộp tiền thu được từ cổ phần hóa về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và giá đầu thành công thấp nhất là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

TT	Kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước		Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(a)	300.000.000.000
2	Vốn Nhà nước thực tế tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	(b)	223.733.013.035
3	Tiền thu từ cổ phần hoá	(c)	151.509.600.000
3.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV		5.026.600.000
	+ Mua theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực Nhà nước		2.235.600.000
	+ Mua theo đăng ký cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần		2.791.000.000
3.2	Thu từ bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược		-
3.3	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài		146.483.000.000
4	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBNV, bán đấu giá ra bên ngoài	(d)	153.000.000.000
5	Giá trị mệnh giá cổ phần phát hành thêm để lại DN	(e) = (a) – (b)	76.266.986.965
6	Chi phí cổ phần hoá đơn vị thực hiện	(f)	500.000.000
7	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	(g)	1.214.275.000
8	Phần thặng dư vốn để lại DN tương ứng tỷ lệ cổ phần phát hành thêm /Vốn điều lệ	(h) = [(c)–(d) – (f) – (g)] x [(e)/(a)]	-
Tổng số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		(c) – (e) – (f) – (g) – (h)	73.528.338.035

Công ty TNHH NN MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế sẽ thực hiện nộp tiền thu được từ cổ phần hóa theo quy định sau khi hoàn tất việc bán cổ phần ra bên ngoài.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

I. Phương án sử dụng lao động

Dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có, nhu cầu lao động dự kiến của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động; đồng thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	441
1	Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ (Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, KTT)	6
2	Lao động làm việc theo HĐLĐ	435
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	422
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	13
	- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn dưới 12 tháng	0
3	Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty	0
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa	92
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	0
2	Số lao động sẽ chấm dứt HĐLĐ, chia ra:	
	- Hết hạn HĐLĐ	0
	- Tự nguyện chấm dứt HĐLĐ	0
	- Chấm dứt hợp đồng lao động với lý do khác theo quy định của pháp luật	0
3	Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp CPH, chia ra:	92
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo ND số 63/2015/NĐ-CP	18
	- Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp mất việc làm	71
	- Số lao động dôi dư thực hiện theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP	3

STT	Nội dung	Tổng số
III	Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần	349
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	346
2	Số lao động nghỉ hưởng chế độ BHXH, chia ra:	1
	- Ốm đau	0
	- Thai sản	1
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	0
3	Số lao động đang tạm hoãn thực hiện HĐLĐ, chia ra:	0
	- Nghĩa vụ quân sự	0
	- Nghĩa vụ công dân khác	0
	- Bị tạm giam, tạm giữ	0
	- Do 2 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)	0

Cơ cấu lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
Theo trình độ lao động	349	100,00%
▪ Trình độ trên đại học	-	
▪ Trình độ đại học	48	13,75%
▪ Trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp	3	0,01%
▪ Trình độ khác	298	86,24%
Theo loại hợp đồng lao động	349	100,00%
▪ Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	03	0,86%
▪ Hợp đồng không thời hạn	331	94,84%
▪ Hợp đồng thời hạn từ 1-3 năm	12	3,44%
▪ Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
▪ Hợp đồng tuyển dụng trước ngày 30/08/1990 nhưng chưa chuyển sang ký HĐLĐ	3	0,86%
Theo giới tính	349	100,00%
▪ Nam	321	91,97%
▪ Nữ	28	8,03%

II. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

Công ty áp dụng theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/NĐ-CP; Nghị định 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Thông tư số 44/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/10/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư do sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ về chính sách tinh giản biên chế và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC hướng dẫn chính sách tinh giản biên chế.

Tại thời điểm sắp xếp chuyển đổi, Công ty TNHH Nhà nước MTV Khoáng sản Thừa Thiên Huế có 92 người lao động không bố trí được việc làm. Đối tượng lao động này sẽ thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chính sách đối với người lao động dôi dư theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP và Điều 8 và Điều 10 Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014.

Theo quy định tại Điểm a, b và c Khoản 1 Điều 2 Nghị định 63/2015/NĐ-CP thì phương án giải quyết lao động dôi dư được xây dựng sau thời điểm cơ quan có thẩm quyền thông báo hoặc quyết định phê duyệt phương án chuyển thành công ty cổ phần. Do vậy Công ty dự kiến tổng mức hỗ trợ người lao động dôi dư được hưởng **theo Nghị định 63/2015/NĐ – CP** tính đến thời điểm **31/05/2016** là **2.200.534.250** đồng, cụ thể:

- Đối tượng người lao động nghỉ hưu trước tuổi hưởng chính sách lao động dôi dư được tuyển dụng trước ngày 21/04/1998 (09 người) là 523.979.250 đồng.
- Đối tượng đang thực hiện HĐLĐ không xác định thời hạn sẽ thực hiện chấm dứt HĐLĐ và hưởng chính sách đối với lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP (09 người) là 690.295.750 đồng.
- Đối tượng lao động dôi dư được tuyển dụng từ ngày 21/04/1998 trở về sau (71 người) là 986.259.250 đồng.

Tổng nguồn kinh phí chi trả cho người lao động dôi dư hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định 63/2015/NĐ-CP là: 2.200.534.250 đồng, bao gồm:

- Nguồn tiền từ bán cổ phần lần đầu (trường hợp nếu tiền bán cổ phần lần đầu không đủ thì sử dụng Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp) là: 1.214.275.000 đồng.
- Nguồn do doanh nghiệp chi trả là: 986.259.250 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

PHẦN IV: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH SAU CỔ PHẦN HÓA

I. Phương án về tổ chức và quản lý điều hành Công ty

Với mô hình công ty cổ phần, Công ty sẽ hoạt động dưới sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, với sự giám sát của Ban Kiểm soát theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Việc thành lập Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc sẽ tuân thủ theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và điều lệ của công ty cổ phần.

Điều lệ, được xây dựng trên cơ sở tôn trọng các quy định của pháp luật hiện hành, là cơ sở cho hoạt động của công ty cổ phần.

Bộ máy quản lý điều hành Công ty được sắp xếp tinh gọn, đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh sau giai đoạn cổ phần hóa. Các phòng ban được tổ chức để phụ trách các mảng nghiệp vụ kinh doanh chuyên biệt trong Công ty. Cơ cấu tổ chức bộ máy sẽ nhằm đến tính linh động trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, đồng thời đảm bảo phát huy hết các nguồn lực của Công ty.

Cơ cấu, tổ chức bộ máy Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ đảm bảo một số nguyên tắc sau:

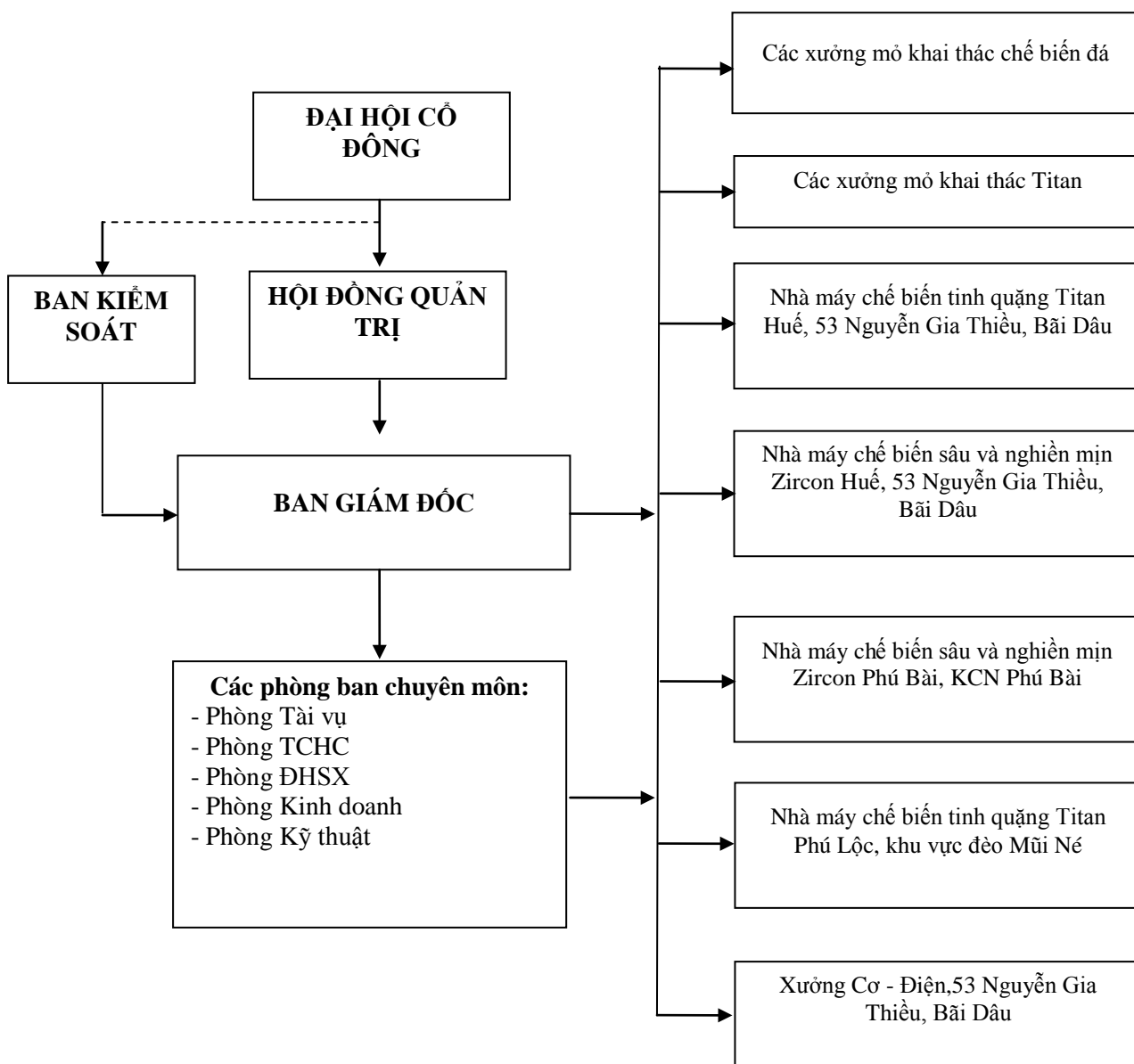
- Tận dụng tối đa nguồn lao động của Công ty tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Luôn có kế hoạch tuyển chọn và đào tạo đội ngũ nhân sự có năng lực chuyên môn và khả năng quản lý để tạo nguồn nhân lực kế thừa cho đội ngũ quản trị của Công ty.
- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực hiệu quả, tạo môi trường và điều kiện làm việc thông thoáng, xây dựng văn hóa doanh nghiệp với những đặc trưng riêng, tạo sự gắn kết trong nhân viên và giữa nhân viên với Công ty.
- Xây dựng chính sách lương thưởng dựa trên năng lực và trình độ của cán bộ nhân viên, nhằm đảm bảo phân phối thu nhập một cách hợp lý, xứng đáng với sự đóng góp của mỗi cá nhân, tạo động lực để mọi thành viên trong Công ty có sự phấn đấu, nỗ lực để đạt được những thành quả lớn hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

Cơ cấu tổ chức của Công ty giai đoạn sau cổ phần hóa dự kiến với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị;
- Ban kiểm soát;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tài vụ, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Điều hành sản xuất, Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật thực hiện nhiệm vụ quản lý theo chức năng chuyên môn, cùng phối hợp triển khai thực hiện các chính sách chiến lược của Giám đốc đề ra, tham mưu đề xuất cho giám đốc về hoạt động SXKD, đầu tư phát triển, công tác tổ chức để đảm bảo hiệu quả lợi nhuận của Công ty được hài hoà và cao nhất.
- Các nhà máy, xưởng mỏ, các bộ phận phục vụ sản xuất: Trực tiếp thực hiện công tác khai thác, chế biến; Thực hiện công tác quản lý sản xuất hiệu quả theo các quy định của Công ty và các Phòng ban; Đề xuất tham mưu cho Công ty về công tác quản lý sản xuất: lao động, sửa chữa bảo trì máy móc thiết bị, cải tiến cải tạo,...

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ



II. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty cổ phần vẫn tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3300100963 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu ngày 28/11/2005 và đăng ký thay đổi lần 01 vào ngày 17/12/2013, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Khai thác quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile) - Khai thác các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp	0899 (chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> - Chế biến quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile) - Chế biến phụ gia cho vật liệu công nghiệp	3290
3	Khai thác quặng sắt	0710
4	Sản xuất sắt, thép, gang <i>Chi tiết:</i> Chế biến sắt, sắt hợp kim	2410
5	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết:</i> - Bán buôn quặng Titan (Ilmenite, Zircon, Monazite, Rutile) - Bán buôn sắt thép, sắt hợp kim	4662
6	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
7	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết:</i> Bán buôn các loại đá, cát, sỏi, đất sét	4663
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>Chi tiết:</i> Bán buôn thiết bị vật tư sản xuất công nghiệp	4659
11	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết:</i> Bán buôn hàng tiêu dùng cho gia đình	4649
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác <i>Chi tiết:</i> - Thăm dò quặng theo phương pháp thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất tại nơi thăm dò - Dịch vụ phân tích và thử nghiệm (VILAS 286)	0990
13	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết:</i> Bán buôn các chất phụ gia cho vật liệu công nghiệp	4669

III. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển sau cổ phần hóa

1. Cơ hội và thách thức

❖ Cơ hội

- Năm 2016 tiếp tục là một năm dự báo đà phục hồi của kinh tế Việt Nam, đón đầu nhiều cơ hội tích cực cho nền kinh tế từ việc tham gia nhiều Hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có TPP, EVFTA... Bên cạnh đó, nền kinh tế thế giới được dự báo có những tín hiệu phục hồi trong dài hạn. Các yếu tố trên sẽ làm gia tăng mạnh nhu cầu phát triển trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là các ngành mà Công ty hiện đang hoạt động như: khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,...
- Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần sẽ mang đến cho Công ty sự năng động và tự chủ cao trong hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh của mình và có điều kiện mở rộng nhiều hơn, đa dạng hơn các lĩnh vực kinh doanh so với ngành nghề truyền thống hiện nay. Ngoài ra, mô hình mới sẽ giúp Công ty linh hoạt hơn, có khả năng phản ứng nhanh nhạy hơn trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình thị trường.
- Sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ tạo nhiều cơ hội và thuận lợi cho Công ty trong việc quảng bá thương hiệu, huy động vốn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh, phát triển các dự án của Công ty.
- Trong quá trình ổn định và phát triển Công ty luôn luôn không ngừng tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ thương mại với các đối tác trong và ngoài nước nhằm không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm và tạo dựng uy tín lâu dài. Đến nay Công ty đã có được nhiều bạn hàng truyền thống ở Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Ấn Độ,... Việc chuyển mình từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần, cùng việc đón đầu hội nhập của Việt Nam, chắc chắn sẽ đem lại những tín hiệu tích cực trong quản trị công ty, từ đó giúp HUMEXCO không chỉ phát huy được lợi thế với những đối tác truyền thống, mà còn xây dựng được quan hệ giao thương nhiều hơn ra thị trường bên ngoài.
- Nhiều năm qua Công ty là một trong những doanh nghiệp duy trì được số lượng lớn lao động lên đến 1300 người, và hằng năm đóng góp vào ngân sách, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh luôn ở tốp đầu. Vì vậy Công ty luôn nhận được nhiều sự quan tâm giúp đỡ của Lãnh đạo Tỉnh, Sở ban ngành và các địa phương nơi khai thác.

❖ Thách thức

- Quá trình hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới thông qua các Hiệp định tự do thương mại sẽ tiếp tục mang đến nhiều cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp

trong nước. Quá trình này sẽ khiến cho các doanh nghiệp Việt Nam chịu nhiều sức ép cạnh tranh từ các nhà đầu tư dồi dào về tiềm lực tài chính và nhiều kinh nghiệm trong khai thác và xử lý khoáng sản Titan trên thế giới.

- Với sự phát triển và hội nhập nhanh chóng, Công ty cần phải liên tục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực để nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Sau cổ phần hoá, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một trong những trở ngại doanh nghiệp có thể gặp phải. Phương thức quản trị điều hành mới đòi hỏi Công ty phải có thời gian để thích nghi.

2. Định hướng phát triển của Công ty

Trên cơ sở phân tích những lợi thế và nhược điểm trên, chiến lược phát triển chủ yếu của Công ty là duy trì và phát triển các lợi thế đồng thời khắc phục, hạn chế các nhược điểm còn tồn tại theo những nội dung cơ bản sau:

• Trong 03 năm tới:

Tiếp tục nhờ Lãnh đạo Tỉnh tác động Chính phủ và Bộ Tài nguyên Môi trường để tháo gỡ khó khăn vướng mắc của công tác xin cấp phép khai thác mỏ công nghiệp Quảng Công - Quảng Ngạn nhằm đảm bảo được việc xây dựng kế hoạch nguồn nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy chế biến sâu trong những năm sau. Bên cạnh đó trong khi chưa được cấp phép mỏ công nghiệp, Công ty tiếp tục xin Lãnh đạo Tỉnh và các Sở ban ngành tạo điều kiện cho Công ty được tận thu các diện tích mỏ nhỏ lẻ dựa trên quy hoạch chung của Tỉnh.

Tạm ngừng toàn bộ các nhà máy chế biến để giảm lỗ, bảo toàn vốn nhưng vẫn đảm bảo tính sẵn sàng chế biến khi cần thiết để phục vụ cho những đơn đặt hàng nếu có hiệu quả.

Tạm ngừng các mỏ khai thác hàm lượng nghèo không có hiệu quả, chỉ duy trì mỏ Diền Hòa – Diền Hải nhằm tạo công ăn việc làm cho công nhân của toàn bộ các xưởng mỏ của công ty.

Nếu tình hình giá bán các sản phẩm chế biến vẫn tiếp tục duy trì ở mức thấp hơn giá thành thì công ty sẽ phải xin chủ trương bán quặng mỏ để có nguồn chi trả lương công nhân và duy trì sự tồn tại của công ty qua giai đoạn khó khăn.

• Chiến lược phát triển lâu dài:

Căn cứ theo nhu cầu của thị trường để tiếp tục mở rộng công suất chế biến sâu xỉ Titan nhằm phát huy hiệu quả công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm.

Di dời các nhà máy chế biến nằm tại Thành phố Huế, khu vực đèo Mũi Né về tập trung tại KCN La Sơn để tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí SXKD và cũng để tuân thủ quy hoạch di dời cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi thành phố Huế.

Tập trung đào tạo, nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, tài chính, kỹ thuật của cán bộ quản lý các cấp và xây dựng, đào tạo đội ngũ nhân viên, công nhân tay nghề và trình độ nghiệp vụ cao nhằm đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục đổi mới công nghệ, củng cố và nâng cao chất lượng từng loại sản phẩm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời tăng dần tỷ trọng các sản phẩm có giá trị cao và giảm dần các sản phẩm có giá trị thấp.

IV. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

Trên cơ sở các định hướng chiến lược và kế hoạch phát triển nêu trên, dự kiến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần trong 03 năm tới như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018
1	Vốn điều lệ	Đồng	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
2	Tổng số lao động	Người	350	350	350
3	Tổng quỹ lương	Đồng	15.010.430.098	15.760.951.602	16.548.999.183
4	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Đồng	4.8000.000	5.040.000	5.290.000
5	Tổng Doanh thu	Đồng	98.466.300.000	103.389.615.000	108.559.095.750
6	Tổng Chi phí	Đồng	96.188.154.000	100.997.561.700	106.047.439.785
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	2.278.146.000	2.392.053.300	2.511.655.965
8	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	1.822.516.800	1.913.642.640	2.009.324.772
9	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	-	-	-
10	Nộp ngân sách	Đồng	12.000.000.000	12.600.000.000	13.230.000.000

Nguồn: HUMEXCO

Thông tin về các dự án Công ty đang triển khai:

Dự án khai thác mỏ Quảng Công – Quảng Ngạn dự kiến sẽ triển khai vào năm 2017 nếu có giấy phép khai thác của Bộ Tài nguyên & Môi trường để phục vụ cho kế hoạch SXKD 05 năm tới của công ty, với tổng vốn đầu tư là 73,5 tỷ.

V. Biện pháp thực hiện

1. Về hoạt động sản xuất và kinh doanh

Để thực hiện được chiến lược phát triển nêu trên, Nhà máy tiến hành xây dựng kế hoạch thực hiện với một số nội dung như sau:

➤ Năm 2016:

Sắp xếp lại hoạt động sản xuất của toàn công ty: Tạm ngừng hoạt động toàn bộ các nhà máy chế biến Titan; Tạm ngừng khai thác mỏ Vinh Xuân, mỏ Phong Hải, mỏ Quảng Lợi; Duy trì khai thác cầm chừng tại mỏ Điện Hòa – Điện Hải.

➤ Năm 2017:

Nếu thị trường tiêu thụ Titan thế giới đến cuối năm 2016 vẫn không phục hồi thì công ty sẽ xin chủ trương bán quặng mỏ để duy trì sự tồn tại qua giai đoạn khó khăn.

➤ Năm 2018:

Nếu thị trường bắt đầu có dấu hiệu phục hồi thì công ty sẽ khôi phục lại các nhà máy chế biến Zircon và Rutile.

➤ Sau năm 2018:

Nếu tình hình thị trường ngành Titan thế giới phục hồi tích cực trở lại thì công ty sẽ tiếp tục triển khai các kế hoạch sau:

- Xin cấp đất mở rộng tại KCN La Sơn để chuẩn bị mặt bằng cho công tác di dời các nhà máy chế biến Huế và Phú Lộc cũng như phục vụ cho dự án mở rộng công suất nhà máy xi Titan giai đoạn 2.

- Lập dự án di dời Nhà máy chế biến Titan Huế và Phú Lộc về sát nhập thành 01 nhà máy tại KCN La Sơn.

- Nếu tình hình nhu cầu tiêu thụ xi Titan của thị trường thế giới có chuyển biến tích cực thì sẽ triển khai dự án mở rộng công suất Nhà máy xi Titan giai đoạn 2 thêm 10.000 Tấn/năm.

2. Về phát triển nguồn nhân lực

2.1. Chính sách tuyển dụng:

Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển; ưu tiên tuyển dụng

chuyên gia có trình độ cao trong các lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản.

2.2. Chính sách đào tạo:

Có kế hoạch đào tạo hàng năm, nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho CBCNV để nâng cao trình độ chuyên môn cũng như quản lý nhất là cán bộ trẻ, có hướng quy hoạch cán bộ lâu dài, đội ngũ kế cận và có kế hoạch tiếp nhận tuyển dụng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng động sáng tạo và có tinh thần trách nhiệm nhằm đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động quản lý và SXKD.

Chú trọng việc nâng cao trình độ người lao động, năng lực làm việc: có chế độ cử CBCNV cam kết làm việc lâu dài cho Công ty khi tham gia các khóa học, tập huấn chuyên ngành phù hợp lĩnh vực hoạt động SXKD của Công ty.

3. Về quản lý tài chính:

Sau cổ phần hóa, để có đủ nguồn vốn thực hiện các dự án và đảm bảo việc cạnh tranh với các doanh nghiệp có quy mô khác trong ngành, Công ty đề ra các định hướng sau:

- Tăng cường liên kết với các ngân hàng nhằm thu hút nguồn vốn đầu tư vào các dự án. Ngoài ra, Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách nhận góp vốn của khách hàng mua sản phẩm của Công ty để có nguồn thực hiện các dự án.
- Thực hiện tốt việc tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí đầu vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm giá thành sản phẩm dịch vụ, nâng cao tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhằm nâng cao tính cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường và thu hút vốn đầu tư của các cổ đông khi có kế hoạch phát hành tăng vốn.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình quản lý tài chính kế toán, công nợ phải thu phải trả, khả năng tài trợ từ nguồn tín dụng thương mại, kiểm soát chặt chẽ nguồn phải thu nhằm đảm bảo vòng quay vốn lưu động.

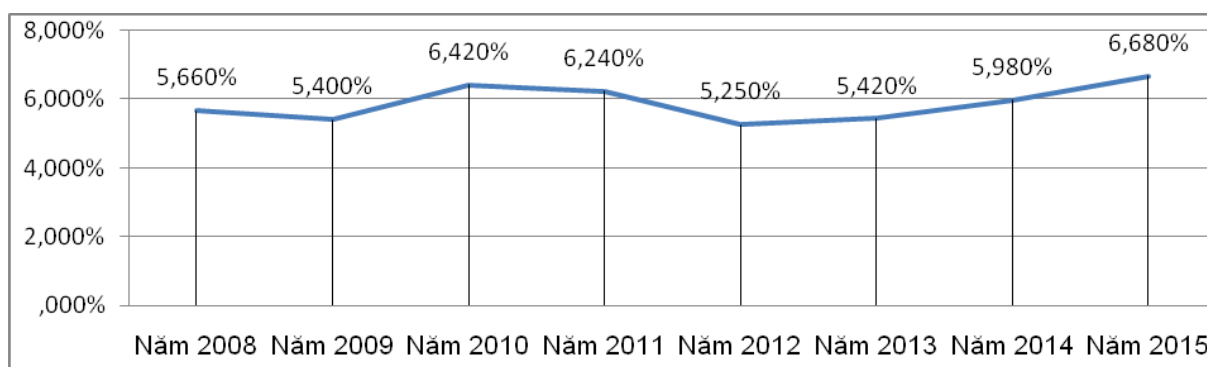
VI. Các rủi ro dự kiến

1. Rủi ro về kinh tế

Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới là điều kiện hết sức quan trọng và cần thiết cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của doanh nghiệp bất động sản nói riêng.

Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản Titan làm nguyên liệu đầu vào phục vụ cho các ngành Công nghiệp như: khoa học công nghệ, an ninh quốc phòng, y tế, hàng không, vũ trụ,... là những ngành mang đặc tính chu kỳ gắn với chu kỳ phát triển kinh tế. Những năm vừa qua, khủng hoảng tài chính toàn cầu và suy thoái kinh tế đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Công ty sẽ được hưởng nhiều lợi ích hơn từ việc nền kinh tế tăng trưởng tích cực và được dự báo có tăng trưởng tích cực. GDP (tổng sản phẩm quốc nội) được xem là thước đo tổng quát nhất cho sự tăng trưởng đó. Khi nền kinh tế

tăng trưởng, Công ty sẽ được hưởng lợi từ nhu cầu phát triển các nhóm ngành Công nghiệp mà Công ty đang phục vụ. Năm 2015 nói riêng và giai đoạn 2011-2015 nói chung đánh dấu một bước ngoặt lớn trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam khi chứng kiến hàng loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết. Đây cũng là giai đoạn đánh dấu sự hồi phục của nền kinh tế sau cuộc đại khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2007-2008. Nhìn chung bức tranh toàn cảnh kinh tế thế giới vẫn còn nhiều diễn biến bất lợi, nhất là rủi ro từ sự đi xuống của Trung Quốc và động thái tăng lãi suất của Mỹ gây lo ngại về sự dịch chuyển dòng vốn tại các thị trường mới nổi. Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam lại được xem là điểm sáng khi thu được các tín hiệu vĩ mô tích cực. Con số đáng chú ý nhất đến từ tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015, đạt 6,68%, cao nhất từ năm 2008 (theo giá so sánh năm 2010).



Hoạt động của HUMEXCO khai thác và chế biến khoáng sản Titan và có mối quan hệ mật dịch với các đối tác nước ngoài. Do đó, những biến động của các nhân tố vĩ mô khác như: lãi suất, tỷ giá, ... cũng ảnh hưởng rất lớn đến tình hoạt động của Công ty. Bên cạnh các yếu tố về GDP và lạm phát, tỷ giá thời gian vừa qua cũng được đánh giá là ổn định và được dự báo biến động không quá lớn trong năm 2016 nhờ vào cách thức điều hành tỷ giá mới - tỷ giá trung tâm (Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và một số ngoại tệ khác). Về phía Công ty, rủi ro về lãi suất xảy ra do giá trị của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự thay đổi của lãi suất thị trường. Dòng tiền đó có thể đến từ các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay nợ chịu lãi suất thả nổi, ... Ngày 24/12/2015, trong cuộc họp báo tổng kết hoạt động ngành ngân hàng năm 2015, Ngân hàng Nhà nước cho biết: *“Mặt bằng lãi suất thị trường tiếp tục giảm 0,2-0,5% qua đó hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh”*. Đây là tín hiệu vĩ mô khả quan để các doanh nghiệp tiếp tục hoạt động và đầu tư cho các dự án trong dài hạn.

Bối cảnh vĩ mô thế giới còn nhiều phức tạp trước sự tăng trưởng chưa thực sự rõ rệt của Mỹ và tình trạng giảm tốc của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới – Trung Quốc đem đến nhiều lo ngại cho bức tranh kinh tế toàn cầu, tuy nhiên Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tái hiện những con số ấn tượng. Cụ thể, nhóm nghiên cứu EIU của tạp chí kinh tế uy tín

The Economist dự báo, tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 có thể đạt xấp xỉ 7%. Với tốc độ tăng trưởng này, Việt Nam đứng thứ 9 trong nhóm nước có tốc độ tăng GDP nhanh nhất thế giới. Với các tín hiệu tích cực của kinh tế vĩ mô, những giải pháp hỗ trợ khơi thông nguồn vốn từ phía Chính phủ, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty được kỳ vọng sẽ có những chuyển biến khả quan hơn.

2. *Rủi ro về luật pháp*

Là Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ các chính sách Nhà nước như: định hướng phát triển ngành khoáng sản, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế, về tài nguyên và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của các văn bản Pháp luật về Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt là trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra, bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước tiến hành thuận lợi hơn.

Xét ở khía cạnh doanh nghiệp, với HUMEXCO, là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần, Công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Tuy nhiên, do đã có quá trình hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên, cũng cùng chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp như Công ty cổ phần nên Công ty sẽ có thuận lợi hơn trong thích ứng với sự chuyển đổi loại hình công ty này.

Bên cạnh đó, khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, HUMEXCO sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. *Rủi ro đặc thù*

Ngành, nghề hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng nhiều bởi các điều kiện tự nhiên. Mặc dù Công ty đã có những nghiên cứu, khảo sát đánh giá về địa chất, chất lượng khoáng sản thô nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình khai thác và chế

biến sâu nhưng cũng không thể tránh khỏi những biến động bất thường về địa chất, chất lượng khoáng sản đầu vào... Từ đó làm gia tăng chi phí và giảm biên lợi nhuận của Công ty.

Ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản nói chung và Titan nói riêng còn phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố môi trường, vấn đề bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, xử lý chất thải sau khai thác,... là một trong những thách thức không nhỏ đối với Công ty. Sức ép về sự gia tăng của các khoản phí như phí tài nguyên môi trường, phí xử lý chất thải, tiền thuê đất, phí khai thác tận thu khoáng sản... ngày càng cao cũng ảnh hưởng rất lớn đến cán cân ngân sách của Công ty.

Rủi ro từ các chính sách của Nhà nước về thời hạn cấp phép khai thác mỏ là một rủi ro hiện hữu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ví dụ Rủi ro về việc bị rút hoặc không gia hạn giấy phép khai thác mỏ do lo ngại về các yếu tố môi trường hoặc nguy hại về khả năng bào mòn tài nguyên thiên nhiên của Nhà nước cũng là một nhân tố cần tính đến trong quá trình hoạt động khai thác và chế biến của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phần lần đầu được coi là không thành công trong trường hợp số lượng cổ phần thực tế bán được thấp hơn số lượng cổ phần dự kiến chào bán trong thời hạn quy định.

Với thực trạng hiện nay, thị trường chứng khoán Việt Nam có dấu hiệu khởi sắc song chưa hồi phục hoàn toàn. Dòng tiền vào thị trường còn hạn chế. Nguồn cung cổ phiếu với giá rẻ trên thị trường có khá nhiều, nhà đầu tư cũng ít quan tâm hơn đến hoạt động IPO phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng.

Do đó, việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Công ty sẽ gặp một số ảnh hưởng không nhỏ từ tình hình chung của thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Ngoài ra, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro bất khả kháng như: rủi ro thiên tai, hỏa hoạn, nguồn nước, chiến tranh, rủi ro biến động chính trị, xã hội....

PHẦN V:

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

I. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kính đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh Thừa Thiên Huế xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng theo quy định của Nhà nước.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty được phê duyệt và có quyết định của UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển Công ty TNHH TNHH Nhà nước một thành viên Khoáng sản Thừa Thiên Huế thành Công ty cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Phê duyệt phương án cổ phần hóa	T05/2016
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	T05-06/2016
3	Tổ chức bán cổ phần cho CB CNV	T05-06/2016
4	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa , tổ chức bán thỏa thuận số lượng cổ phần không bán hết (nếu có)	T07/2016
5	Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ (nếu có), cử người đại diện phần vốn Nhà nước và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thành lập	T07-08/2016
6	Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	T08-09/2016
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần	T08-09/2016
8	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty cổ phần, in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần cho cổ đông	T08-09/2016
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	T10/2016

TT	Nội dung công việc	Thời gian
10	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	T10/2016
11	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị công ty cổ phần	T10/2016

Thừa Thiên Huế, ngày 16 tháng 5 năm 2016.

**CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN KHOÁNG SẢN THỪA THIÊN HUẾ
CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC**



VÕ QUANG HIỀN